



**BỘ XÂY DỰNG  
TRUNG TÂM THÔNG TIN**

**THÔNG TIN**

**XÂY DỰNG CƠ BẢN  
& KHOA HỌC  
CÔNG NGHỆ  
XÂY DỰNG**

MỖI THÁNG 2 KỶ

**19**

Tháng 10 - 2010

# ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ TẬP ĐOÀN SÔNG ĐÀ LẦN THỨ X

Hà Nội, ngày 13 tháng 10 năm 2010



Ông Lê Văn Quế - Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch HĐQT Tập đoàn Sông Đà trình bày Báo cáo chính trị tại Đại hội



Toàn cảnh Đại hội

**THÔNG TIN  
XÂY DỰNG CƠ BẢN  
& KHOA HỌC  
CÔNG NGHỆ  
XÂY DỰNG**

THÔNG TIN CỦA BỘ XÂY DỰNG  
**MỖI THÁNG 2 KỶ**

TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT HÀNH  
**NĂM THỨ MƯỜI MỘT**

**19**

**SỐ 19 - 10/2010**

## **MỤC LỤC**

### **Văn bản quản lý**

#### **Văn bản các cơ quan TW**

- Quyết định số 60/2010/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển bằng nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2011-2015 5
- Nghị định số 102/2010/NĐ-CP của Chính phủ hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Doanh nghiệp 7
- Thông tư số 17/2010/TT-BXD của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định và quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị 10
- Thông tư 16/2010/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định trình tự, thủ tục cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai 11
- Thông tư liên tịch số 20/2010/TTLT - BKH - BTC của liên bộ Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính quy định chi tiết việc cung cấp thông tin về đấu thầu để đăng tải trên Báo Đấu thầu 13

#### **Văn bản của địa phương**

- Quyết định số 29/2010/QĐ-UBND của UBND tỉnh Khánh Hòa ban hành Quy định về việc lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình, chi phí lập quy hoạch xây dựng và chi phí dịch vụ công ích đô thị trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa 14



**TRUNG TÂM THÔNG TIN**

TRỤ SỞ: 37 LÊ ĐẠI HÀNH - HÀ NỘI

TEL : 8.215.137 - 8.215.138

FAX : (04)9.741.709

Email: citc\_bxd@hn.vnn.vn

GIẤY PHÉP SỐ: 595 / BTT

CẤP NGÀY 21 - 9 - 1998

## CHỊU TRÁCH NHIỆM PHÁT HÀNH

**TS. ĐẶNG KIM GIAO**

### **Ban biên tập:**

THS.KTS.NGUYỄN HÙNG OANH

**(Trưởng ban)**

CN.BẠCH MINH TUẤN **(Phó ban)**

KS.HUYỀN PHƯỚC

CN.ĐÀO THỊ MINH TÂM

CN.BÙI THỊ QUỲNH ANH

CN.HOÀNG ĐẠI HẢI

CN.NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC

## **Khoa học công nghệ xây dựng**

- Nghiệm thu đề tài:

+ Hỗ trợ nghiên cứu, đề xuất giải pháp, lựa chọn công nghệ xử lý 04 bãi rác gây ô nhiễm môi trường tại khu vực phía Nam theo Quyết định 64/2003/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ 17

+ Nghiên cứu chế tạo xi măng poóc lăng đá vôi từ clinker xi măng poóc lăng 19

+ Hướng dẫn kỹ thuật chống giữ hố đào 20

- Thông báo Danh sách các phòng thí nghiệm chuyên ngành Xây dựng được công nhận tháng 9/2010 21

- Nghiên than Anthracite bằng máy nghiền đứng của Polysius - CHLB Đức 24

- Trung Quốc tăng cường hoàn thiện cơ chế, đẩy mạnh công nghiệp hóa nhà ở 27

- Tin Xây dựng quốc tế qua mạng Internet 30

## **Thông tin**

- Lễ khởi công dự án đầu tư xây dựng nhà máy gạch Clinker Viglacera 32

- Tập đoàn Sông Đà nhận bàn giao chuyển quyền và nghĩa vụ đại diện chủ sở hữu phần vốn nhà nước tại 4 tổng công ty thành viên 34

- Công nhận Thị trấn Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa là đô thị loại IV 35

- Thị trấn Dĩ An mở rộng được công nhận đạt tiêu chuẩn đô thị loại IV 36

- Xây dựng các đô thị vệ tinh - Giải pháp lựa chọn của thành phố Minsk 38

- Những sai lầm và xu thế trong thiết kế xây dựng ở Trung Quốc 39

- Thời đại mới cần có tư duy mới 42



## VĂN BẢN CỦA CÁC CƠ QUAN TW

### **Quyết định số 60/2010/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển bằng nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2011-2015**

Ngày 30/9/2010 Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 60/2010/QĐ-TTg ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển bằng nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2011-2015 làm cơ sở để xây dựng dự toán chi đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các cơ quan khác ở trung ương sử dụng vốn đầu tư phát triển bằng nguồn ngân sách nhà nước; dự toán chi đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Các Bộ, ngành Trung ương được sử dụng vốn đầu tư phát triển thuộc nguồn ngân sách nhà nước gồm: Cơ quan Đảng, Quốc hội; cơ quan tư pháp (Viện Kiểm sát, Tòa án); Các Bộ, cơ quan ngang Bộ và các cơ quan thuộc Chính phủ; Các cơ quan Trung ương của các tổ chức chính trị; Đối với vốn đầu tư cho các tổ chức xã hội, hiệp hội và các tổ chức phi chính phủ khác, các tập đoàn, tổng công ty, Ngân hàng Phát triển Việt Nam, Ngân hàng Chính sách Xã hội sẽ xem xét cụ thể từng công trình, dự án phục vụ cho các mục tiêu nhiệm vụ cụ thể vì lợi ích công được Thủ tướng Chính phủ giao.

Chính phủ trình Quốc hội phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước cho các Bộ, ngành Trung ương dựa trên cơ sở nhu cầu và khả năng cân đối vốn cho từng ngành, lĩnh vực phù hợp với mục tiêu phát triển và kế hoạch đầu tư trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011-2015. Chỉ bố trí cho các dự án kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội không có khả

năng hoàn vốn trực tiếp và phục vụ lợi ích công. Việc phân bổ vốn thực hiện dự án cho các Bộ, ngành Trung ương theo ngành, lĩnh vực phải trên cơ sở các dự án có trong quy hoạch, các dự án có đủ thủ tục. Thủ tướng Chính phủ giao kế hoạch cho các Bộ, ngành tổng mức vốn đầu tư, tổng mức vốn và danh mục dự án nhóm A.

Vốn đầu tư phát triển thuộc ngân sách nhà nước được bố trí để chuẩn bị đầu tư và thực hiện dự án của các ngành, lĩnh vực sau:

- Nông, lâm nghiệp và thủy sản: xây dựng, cải tạo và nâng cấp các công trình, dự án thủy lợi, đê điều và phòng chống lụt bão; các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng sản xuất giống cây nông, lâm nghiệp, giống vật nuôi và giống thủy sản; cơ sở vật chất phục vụ quản lý nhà nước về cây trồng, vật nuôi và dịch hại, bảo vệ và phát triển rừng; hạ tầng nuôi trồng thủy sản, tránh trú bão cho tàu thuyền, cảng cá, các khu bảo tồn thủy sản biển và bảo tồn thủy sản nội địa.

- Công nghiệp: đầu tư trong lĩnh vực khai thác dầu khí (đầu tư trở lại cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam); các khu kinh tế ven biển và hạ tầng khu công nghiệp; mạng lưới điện vùng đồng bào dân tộc thiểu số; hỗ trợ đầu tư sản xuất năng lượng tái tạo; sản phẩm trọng điểm quốc gia.

- Giao thông vận tải: xây dựng và nâng cấp các công trình, dự án giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy, đường hàng không.

- Cấp nước và xử lý rác thải, nước thải: xây dựng, cải tạo và nâng cấp các công trình, dự án cấp, thoát nước, xử lý chất thải.



- Kho tàng: xây dựng, cải tạo và nâng cấp các công trình thuộc hệ thống kho tàng, bến bãi lưu trữ hàng dự trữ quốc gia, lưu trữ hồ sơ, tài liệu, kho vật chứng.

- Văn hóa: xây dựng và cải tạo các công trình, dự án bảo tồn, bảo tàng, điện ảnh, thư viện.

- Thể thao: xây dựng và cải tạo các công trình, dự án thuộc lĩnh vực thể dục, thể thao.

- Thông tin và truyền thông: xây dựng và cải tạo các công trình, dự án phục vụ hoạt động xuất bản, thông tấn, báo chí, phát thanh, truyền hình tiếng dân tộc; các công trình viễn thông phục vụ mục tiêu quốc phòng, an ninh và các dự án cụ thể được phê duyệt của cấp có thẩm quyền.

- Khoa học, công nghệ và công nghệ thông tin: xây dựng và cải tạo các công trình, dự án thuộc lĩnh vực khoa học công nghệ như: xây dựng mới, nâng cấp, đầu tư chiều sâu các tổ chức khoa học và công nghệ; các phòng thí nghiệm, xưởng thí nghiệm; các trung tâm phân tích, kiểm nghiệm, kiểm định; các phòng thiết kế chuyên dụng trong lĩnh vực khoa học tự nhiên và kỹ thuật; các trung tâm ứng dụng và chuyển giao công nghệ, các chi cục Tiêu chuẩn – Đo lường-Chất lượng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; các trạm trại thực nghiệm; xây dựng và cải tạo các công trình công nghệ thông tin, xử lý dữ liệu và xây dựng cổng thông tin.

- Giáo dục và đào tạo: xây dựng và cải tạo các công trình, dự án hạ tầng cho các cấp giáo dục và đào tạo mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông, trung học nghề nghiệp, trung cấp chuyên nghiệp, dạy nghề, cao đẳng, đại học.

- Y tế và vệ sinh an toàn thực phẩm: xây dựng và cải tạo các công trình dự án bệnh viện, trung tâm y tế, phòng kiểm nghiệm của cơ quan quản lý chất lượng quốc gia.

- Xã hội: xây dựng và cải tạo các công trình, dự án phục vụ mục tiêu nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công, thương bệnh binh, người già,

người tàn tật; chăm sóc, điều dưỡng sức khỏe; cai nghiện và các công trình trợ giúp xã hội khác.

- Tài nguyên và môi trường: xây dựng và cải tạo các công trình, dự án trong lĩnh vực biển và hải đảo, đo đạc bản đồ, khí tượng thủy văn, thăm dò địa chất và khoáng sản, nguồn nước, các công trình quan trắc cảnh báo môi trường, khắc phục ô nhiễm môi trường.

- Quản lý nhà nước: xây dựng và cải tạo trụ sở, nơi làm việc của các cơ quan Đảng, Quốc hội, Chính phủ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp.

- Quốc phòng, an ninh: xây dựng và cải tạo các công trình, dự án phục vụ mục tiêu quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

Căn cứ kế hoạch do Thủ tướng Chính phủ giao các Bộ, ngành Trung ương thực hiện việc phân bổ vốn cho các công trình, dự án cụ thể theo nguyên tắc: Các công trình, dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng được bố trí vốn phải phục vụ cho các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của ngành đề ra; Các công trình, dự án được bố trí vốn phải nằm trong quy hoạch đã được phê duyệt, có đủ các thủ tục đầu tư theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng; Bố trí vốn tập trung, đảm bảo hiệu quả đầu tư. Ưu tiên bố trí cho các dự án quan trọng quốc gia và các dự án lớn khác, các công trình, dự án hoàn thành, vốn đối ứng cho các dự án ODA, đảm bảo thời gian từ khi khởi công đến khi hoàn thành các dự án nhóm B không quá 5 năm, dự án nhóm C không quá 3 năm, không bố trí vốn ngân sách nhà nước cho các dự án khi chưa xác định được rõ nguồn vốn; Phải dành một phần vốn để thanh toán các khoản nợ và ứng trước năm kế hoạch; Bảo đảm tính công khai, minh bạch, công bằng trong phân bổ vốn đầu tư phát triển; Mức vốn đầu tư phát triển trong cân đối (không bao gồm đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất) năm 2011 năm đầu của thời kỳ ổn định 2011-2015 của từng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương không thấp hơn số vốn kế hoạch năm 2010.

Các tiêu chí phân bổ vốn đầu tư phát triển trong cân đối (không bao gồm đầu tư từ thu sử dụng đất) cho các địa phương gồm các nhóm sau: Tiêu chí về dân số gồm số dân trung bình và số người dân tộc thiểu số của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Tiêu chí về trình độ phát triển gồm tỷ lệ hộ nghèo, số thu nội địa (không bao gồm số thu sử dụng đất) và tỷ lệ điều tiết về ngân sách trung ương; Tiêu chí diện tích gồm diện tích đất tự nhiên của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và tỷ lệ diện tích đất trồng lúa trên tổng diện tích đất tự nhiên; Tiêu chí về đơn vị hành chính cấp huyện gồm tiêu chí số đơn vị hành chính cấp huyện, số huyện miền núi, vùng cao, hải đảo, biên giới đất liền của từng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Tiêu chí thành phố đặc biệt, thành phố trực thuộc Trung ương, tỉnh hoặc thành phố thuộc vùng kinh tế trọng điểm, các trung tâm phát triển của vùng và tiểu vùng; Tiêu chí đô thị loại 1, loại 2, loại 3.

Đối với các chương trình mục tiêu quốc gia sau khi được Quốc hội thông qua về chủ trương, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2011-2015, các Bộ chuyên ngành quản lý chương trình xây dựng các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp trình Thủ tướng Chính phủ báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho ý kiến trước khi bàn hành một Quyết định riêng về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước cho các chương trình mục tiêu quốc gia.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/11/2010 và áp dụng cho năm ngân sách từ 2011 đến năm 2015. Quyết định này thay thế Quyết định số 210/2006/QĐ-TTg ngày 12/9/2006 của Thủ tướng Chính phủ.

(Xem toàn văn tại: [www.chinhphu.vn](http://www.chinhphu.vn))

## **Nghị định số 102/2010/NĐ-CP của Chính phủ hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Doanh nghiệp**

Ngày 1/10/2010, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 102/2010/NĐ-CP hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Doanh nghiệp liên quan đến thành lập, tổ chức quản lý, hoạt động, tổ chức lại và giải thể doanh nghiệp.

Nghị định này áp dụng cho các đối tượng là: Công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh và doanh nghiệp tư nhân, bao gồm cả công ty trách nhiệm hữu hạn (TNHH), công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp 100% vốn nhà nước, doanh nghiệp của tổ chức Đảng và của các tổ chức chính trị - xã hội, doanh nghiệp liên doanh, doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài (gọi chung là doanh nghiệp); Doanh nghiệp liên doanh, doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài không đăng ký lại theo Nghị định số 101/2006/NĐ-CP ngày

21/9/2006 của Chính phủ quy định về việc đăng ký lại, chuyển đổi và đăng ký đổi Giấy chứng nhận đầu tư của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Luật Đầu tư; Hộ kinh doanh; Các tổ chức, cá nhân khác liên quan đến thành lập, tổ chức quản lý và hoạt động, tổ chức lại và giải thể doanh nghiệp.

Nghị định quy định những ngành nghề cấm kinh doanh gồm: Kinh doanh vũ khí quân dụng, trang thiết bị, kỹ thuật, khí tài, phương tiện chuyên dùng quân sự, công an, quân trang (bao gồm cả phù hiệu, cấp hiệu, quân hiệu của quân đội, công an), quân dụng cho lực lượng vũ trang, linh kiện, bộ phận, phụ tùng, vật tư và trang thiết bị đặc chủng, công nghệ chuyên dùng chế tạo chúng; Kinh doanh chất ma túy

các loại; Kinh doanh hóa chất theo Công ước quốc tế; Kinh doanh các sản phẩm văn hóa phản động, đồi trụy, mê tín dị đoan hoặc có hại tới giáo dục thẩm mỹ, nhân cách; Kinh doanh các loại pháo; Kinh doanh các loại đồ chơi, trò chơi nguy hiểm, đồ chơi, trò chơi hại tới giáo dục nhân cách và sức khỏe của trẻ em hoặc tới an ninh, trật tự an toàn xã hội; Kinh doanh các loại thực vật, động vật hoang dã, gồm cả vật sống và các bộ phận của chúng đã được chế biến, thuộc Danh mục điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên quy định và các loại thực vật, động vật quý hiếm thuộc danh mục cấm khai thác, sử dụng; Kinh doanh mại dâm, tổ chức mại dâm, mua bán người; Kinh doanh dịch vụ tổ chức đánh bạc, gá bạc trái phép dưới mọi hình thức; Kinh doanh dịch vụ điều tra bí mật xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền với lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân; Kinh doanh dịch vụ môi giới kết hôn có yếu tố nước ngoài; Kinh doanh dịch vụ môi giới nhận cha, mẹ, con nuôi, nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài; Kinh doanh các loại phế liệu nhập khẩu gây ô nhiễm môi trường; Kinh doanh các loại sản phẩm, hàng hóa và thiết bị cấm lưu hành, cấm sử dụng hoặc chưa được phép lưu hành và/hoặc sử dụng tại Việt Nam; Các ngành nghề cấm kinh doanh khác được quy định tại các luật, pháp lệnh và nghị định chuyên ngành.

Doanh nghiệp có quyền chủ động đăng ký kinh doanh và hoạt động kinh doanh, không cần phải xin phép, xin chấp thuận, hỏi ý kiến cơ quan quản lý nhà nước nếu ngành, nghề kinh doanh đó: Không thuộc ngành, nghề cấm kinh doanh; Không thuộc ngành, nghề kinh doanh có điều kiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành. Đối với ngành, nghề kinh doanh có điều kiện thì doanh nghiệp được quyền kinh doanh ngành, nghề đó kể từ khi có đủ điều kiện theo quy định. Trừ trường hợp điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên hoặc pháp luật chuyên ngành có quy định khác, doanh nghiệp đã thành lập ở Việt Nam có sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài không quá 49% vốn điều lệ được

áp dụng điều kiện đầu tư, kinh doanh như đối với nhà đầu tư trong nước, nếu sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài trên 49% vốn điều lệ được áp dụng điều kiện đầu tư, kinh doanh như đối với nhà đầu tư nước ngoài.

Mỗi cá nhân chỉ được quyền đăng ký thành lập một doanh nghiệp tư nhân hoặc một hộ kinh doanh hoặc làm thành viên hợp danh của một công ty hợp danh, trừ trường hợp các thành viên hợp danh còn lại có thỏa thuận khác. Cá nhân chủ sở hữu doanh nghiệp tư nhân hoặc hộ kinh doanh hoặc cá nhân thành viên hợp danh có quyền thành lập, tham gia thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty cổ phần.

Nhà đầu tư là tổ chức, cá nhân nước ngoài lần đầu thành lập doanh nghiệp tại Việt Nam thực hiện đăng ký đầu tư gắn với thành lập tổ chức kinh tế theo quy định của pháp luật về đầu tư. Trong trường hợp này doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đầu tư đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đã thành lập tại Việt Nam dự định thành lập doanh nghiệp mới tại Việt Nam thực hiện theo quy định sau: Trường hợp doanh nghiệp mới do doanh nghiệp có trên 49% vốn điều lệ là sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài thành lập hoặc tham gia thành lập thì phải có dự án đầu tư và thực hiện đăng ký đầu tư gắn với thành lập tổ chức kinh tế theo quy định của pháp luật về đầu tư. Trong trường hợp này doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đầu tư đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Trường hợp doanh nghiệp có không quá 49% vốn điều lệ là sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài thành lập thì việc đăng ký đầu tư áp dụng theo quy định tương ứng đối với dự án đầu tư trong nước.

Công ty cổ phần hoặc công ty TNHH hai thành viên trở lên có thể chuyển đổi thành công ty TNHH một thành viên theo phương thức sau: Một cổ đông hoặc thành viên nhận chuyển nhượng toàn bộ cổ phần, phần vốn góp tương



ứng của tất cả các cổ đông, thành viên còn lại; Một cổ đông hoặc thành viên là pháp nhân nhận góp vốn đầu tư bằng toàn bộ cổ phần hoặc phần vốn góp của tất cả các cổ đông, thành viên còn lại; Một tổ chức hoặc cá nhân không phải là thành viên hoặc cổ đông nhận chuyển nhượng hoặc nhận góp vốn đầu tư bằng toàn bộ số cổ phần hoặc phần vốn góp của tất cả cổ đông hoặc thành viên của công ty.

Công ty TNHH có thể chuyển đổi thành công ty cổ phần theo phương thức sau: chuyển đổi thành công ty cổ phần mà không huy động thêm người khác cùng góp vốn cổ phần, không bán cổ phần hiện có cho người khác; Chuyển đổi thành công ty cổ phần kết hợp với chào bán chứng khoán ra công chúng; Chuyển đổi thành công ty cổ phần kết hợp với chào bán cổ phần cho ít hơn 100 nhà đầu tư đã xác định.

Doanh nghiệp tư nhân có thể chuyển đổi thành công ty TNHH theo quyết định của chủ doanh nghiệp tư nhân nếu đủ các điều kiện sau: Chủ doanh nghiệp tư nhân phải là chủ sở hữu công ty (đối với trường hợp chuyển đổi thành công ty TNHH một thành viên là cá nhân) hoặc thành viên (đối với trường hợp chuyển đổi thành công ty TNHH hai thành viên trở lên); Chủ doanh nghiệp tư nhân cam kết bằng văn bản chịu trách nhiệm có nhân toàn bộ tài sản của mình đối với tất cả các khoản nợ chưa thanh toán của doanh nghiệp tư nhân và cam kết thanh toán đủ số nợ khi đến hạn; Chủ doanh nghiệp tư nhân có thỏa thuận bằng văn bản với các bên của hợp đồng chưa thanh lý về việc công ty TNHH được chuyển đổi tiếp nhận và thực hiện các hợp đồng đó; Chủ doanh nghiệp tư nhân cam kết bằng văn bản hoặc có thỏa thuận bằng văn bản với các thành viên góp vốn khác về việc tiếp nhận và sử dụng lao động hiện có của doanh nghiệp tư nhân.

Nghị định này cũng ban hành hướng dẫn bổ sung về tập đoàn kinh tế: Tập đoàn kinh tế bao gồm nhóm các công ty có quy mô lớn, có tư cách pháp nhân độc lập, được hình thành trên cơ sở tập hợp, liên kết thông qua đầu tư, góp

vốn, sáp nhập, mua lại, tổ chức lại hoặc các hình thức liên kết khác, gắn bó lâu dài với nhau về lợi ích kinh tế, công nghệ, thị trường và các dịch vụ kinh doanh khác tạo thành tổ hợp kinh doanh có từ hai cấp doanh nghiệp trở lên dưới hình thức công ty mẹ - công ty con; Tập đoàn kinh tế không có tư cách pháp nhân, không phải đăng ký kinh doanh theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Việc tổ chức hoạt động của tập đoàn do các công ty lập thành tập đoàn tự thỏa thuận quyết định; Công ty mẹ được tổ chức dưới hình thức công ty cổ phần hoặc công ty TNHH, đáp ứng điều kiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Công ty con được tổ chức dưới hình thức công ty cổ phần hoặc công ty trách nhiệm hữu hạn theo quy định của Luật Doanh nghiệp của pháp luật liên quan. Công ty mẹ, công ty con và các công ty khác hợp thành tập đoàn kinh tế có các quyền, nghĩa vụ, cơ cấu tổ chức quản lý và hoạt động phù hợp với hình thức tổ chức doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty; Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ báo cáo tài chính hợp nhất, giám sát hoạt động tài chính của tập đoàn kinh tế, của nhóm công ty mẹ - công ty con thuộc tập đoàn kinh tế. Bộ Công thương hướng dẫn việc giám sát các tập đoàn kinh tế, nhóm công ty mẹ - công ty con thuộc tập đoàn kinh tế thực hiện các quy định về hạn chế cạnh tranh, chống lạm dụng vị thế thống lĩnh thị trường hoặc lạm dụng vị trí độc quyền.

Các cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân bị cấm sử dụng tài sản của Nhà nước và công quỹ để thành lập doanh nghiệp, góp vốn và mua cổ phần của doanh nghiệp để thu lợi riêng cho cơ quan, đơn vị mình.

Nghị định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/11/2010. Nghị định này thay thế Nghị định số 139/2007/NĐ-CP ngày 5/9/2007 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Doanh nghiệp.

**(Xem toàn văn tại: [www.chinhphu.vn](http://www.chinhphu.vn))**

## **Thông tư số 17/2010/TT-BXD của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định và quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị**

Ngày 30/9/2010 Bộ Xây dựng đã ban hành Thông tư số 17/2010/TT-BXD hướng dẫn việc xác định và quản lý chi phí lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị gồm: quy hoạch xây dựng vùng; quy hoạch chung; quy hoạch phân khu; quy hoạch chi tiết; quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn; quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật.

Thông tư này áp dụng cho các đối tượng gồm: các tổ chức, cá nhân sử dụng vốn ngân sách nhà nước để thực hiện quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị áp dụng các quy định tại Thông tư này để xác định và quản lý chi phí. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân sử dụng vốn khác (không thuộc vốn ngân sách nhà nước) để thực hiện quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị vận dụng các quy định tại Thông tư này để xác định và quản lý chi phí.

Khi sử dụng vốn ngân sách nhà nước để thuê tư vấn nước ngoài thực hiện quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị thì việc xác định và quản lý chi phí thuê tư vấn nước ngoài cần tuân thủ các quy định hiện hành.

Chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị xác định theo định mức chi phí công bố tại Thông tư này là mức chi phí cần thiết để hoàn thành toàn bộ các nội dung công việc lập nhiệm vụ, lập đồ án, thẩm định đồ án, phê duyệt đồ án và quản lý nghiệp vụ lập đồ án quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị. Đối với các công việc quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị chưa được công bố định mức chi phí thì chi phí để thực hiện các công việc này xác định bằng cách lập dự toán. Trường hợp quy mô của đồ án quy hoạch nằm trong khoảng giữa hai quy mô công bố tại Thông tư này thì sử dụng phương pháp nội suy để xác định định mức chi phí. Đối với đồ án quy hoạch có quy mô

lớn hơn quy mô công bố trong Thông tư này thì chi phí lập đồ án quy hoạch xác định bằng cách lập dự toán. Trường hợp thực hiện công việc quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị có đặc thù riêng, nếu chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị xác định theo định mức chi phí công bố tại Thông tư này không phù hợp thì lập dự toán để xác định chi phí. Trường hợp thực hiện công tác quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị ở miền núi và vùng hải đảo thì chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị tính theo định mức công bố điều chỉnh theo hệ số  $K=1,2$ .

Chi phí lập đồ án quy hoạch tính theo định mức chi phí công bố đã bao gồm các khoản chi phí như: chi phí thu thập các tài liệu có liên quan; chi phí văn phòng phẩm; chi phí chuyên gia; chi phí khấu hao máy, thiết bị; chi phí quản lý; chi phí hội nghị thông qua kết quả lập đồ án quy hoạch; chi phí đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ; bảo hiểm xã hội; bảo hiểm y tế; bảo hiểm thất nghiệp; bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp và thu nhập chịu thuế tính trước nhưng chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Khi xác định dự toán lập đồ án quy hoạch theo định mức được công bố cần bổ sung thuế giá trị gia tăng theo quy định hiện hành.

Chi phí lập đồ án quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị tính theo định mức công bố tại Thông tư này chưa bao gồm chi phí để thực hiện các công việc sau: Khảo sát địa chất, địa vật lý phục vụ lập quy hoạch; Mua hoặc lập các bản đồ địa hình phục vụ lập đồ án quy hoạch; Thuê tổ chức tư vấn, thuê chuyên gia tư vấn phản biện nhiệm vụ, đồ án quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị (nếu có); Cắm mốc giới theo quy hoạch ra ngoài thực địa; Công bố đồ án quy hoạch được duyệt; Các công việc khác

phục vụ công tác lập quy hoạch.

Dự toán chi phí do cơ quan quản lý quá trình lập quy hoạch lập. Cơ quan quản lý quá trình lập quy hoạch chịu trách nhiệm quản lý chi phí này theo các quy định có liên quan. Chi phí thuê tư vấn lập đồ án quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị được quản lý thông qua hợp đồng tư vấn lập đồ án quy hoạch. Hợp đồng tư vấn lập quy hoạch được xác định trên cơ sở kết quả lựa chọn nhà thầu tư vấn, đàm phán, ký kết hợp đồng. Nội dung hợp đồng tư vấn lập đồ án quy hoạch phải tuân thủ các quy định của pháp luật về hợp đồng có liên quan, trong đó cần phải làm rõ quy định về giá của hợp đồng, điều chỉnh giá hợp đồng, số lần tạm ứng, thanh toán hợp đồng, điều chỉnh hợp đồng (nếu có) và sản phẩm cần phải hoàn thành.

Đối với chi phí điều chỉnh đồ án quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị, cơ quan quản lý nghiệp vụ lập đồ án quy hoạch cùng với tổ chức tư vấn lập quy hoạch có trách nhiệm xác định và thỏa thuận mức độ điều chỉnh đồ án để xác định chi phí điều chỉnh đồ án quy hoạch cho phù hợp.

Chi phí quản lý nghiệp vụ lập quy hoạch là giới hạn chi phí cho các hoạt động của cơ quan quản lý quá trình lập quy hoạch. Cơ quan quản lý nghiệp vụ lập quy hoạch chịu trách nhiệm quản lý chi phí này theo các quy định có liên quan. Trường hợp quản lý việc lập đồ án quy hoạch có đặc thù riêng, nếu chi phí quản lý việc

lập đồ án quy hoạch xác định theo định mức chi phí công bố tại Thông tư này không phù hợp thì cơ quan quản lý nghiệp vụ lập quy hoạch lập dự toán để xác định chi phí và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Nhiệm vụ quy hoạch do cơ quan quản lý nhà nước thực hiện thì chi phí xác định bằng dự toán theo cơ chế quản lý tài chính đối với cơ quan quản lý nhà nước khi thực hiện công việc này. Trường hợp thuê đơn vị tư vấn lập nhiệm vụ quy hoạch thì chi phí thuê lập nhiệm vụ quy hoạch xác định thông qua hợp đồng lập nhiệm vụ quy hoạch.

Người có thẩm quyền phê duyệt dự toán chi phí thực hiện công việc lập quy hoạch qui định trong Thông tư này là Người phê duyệt đồ án quy hoạch. Đối với các đồ án quy hoạch do Bộ Xây dựng tổ chức lập và Thủ tướng Chính phủ phê duyệt thì Bộ Xây dựng phê duyệt dự toán chi phí lập quy hoạch. Trường hợp UBND các tỉnh, Thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức lập đồ án quy hoạch được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt thì UBND các Tỉnh, Thành phố trực thuộc Trung ương phê duyệt dự toán chi phí lập quy hoạch.

Thông tư này có hiệu lực từ ngày 15/11/2010 và thay thế các quy định tại Quyết định số 15/2008/QĐ-BXD ngày 17/11/2008 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành định mức chi phí quy hoạch xây dựng.

(Xem toàn văn tại: [www.moc.gov.vn](http://www.moc.gov.vn))

## **Thông tư 16/2010/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định trình tự, thủ tục cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai**

Ngày 26/8/2010 Bộ Tài nguyên và Môi trường đã ban hành Thông tư số 16/2010/TT-BTNMT quy định trình tự, thủ tục áp dụng các biện pháp cưỡng chế để thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai,

quyết định áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai gây ra trong trường hợp không áp dụng xử phạt (gọi chung là cưỡng chế hành chính trong lĩnh vực đất đai).

Thông tư này áp dụng cho các đối tượng bị cưỡng chế hành chính trong lĩnh vực đất đai bao gồm: cá nhân trong nước, cá nhân nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài; cơ quan, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài; hộ gia đình; cơ sở tôn giáo bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai (sau đây gọi chung là đối tượng bị xử phạt) đã quá thời hạn tự nguyện chấp hành hoặc quá thời hạn hoãn chấp hành các quyết định nêu trong Thông tư này mà không tự nguyện chấp hành. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc cưỡng chế hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Các biện pháp cưỡng chế hành chính trong lĩnh vực đất đai áp dụng theo quy định tại Nghị định số 37/2005/NĐ-CP gồm: Biện pháp cưỡng chế khấu trừ một phần tiền lương hoặc một phần thu nhập, khấu trừ tiền từ tài khoản tại ngân hàng, kê biên tài sản có giá trị tương ứng với số tiền phạt để bán đấu giá; Biện pháp cưỡng chế để tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính.

Quá thời hạn quy định tại Thông tư này mà đối tượng bị xử phạt không giao nộp giấy phép, chứng chỉ hành nghề định giá đất, bị cấm hành nghề tư vấn về lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất thì người ra quyết định cưỡng chế gửi thông báo tới cơ quan đã cấp giấy phép, chứng chỉ hành nghề định giá đất để yêu cầu ra quyết định thu hồi giấy phép, chứng chỉ hành nghề đã cấp, đồng thời cơ quan cấp giấy phép, chứng chỉ hành nghề có trách nhiệm thông báo trên website của Bộ Tài nguyên và Môi trường hoặc website của Tổng cục Quản lý đất đai.

Quá thời hạn quy định tại Thông tư này mà đối tượng bị xử phạt không chấp hành; quá thời hạn ghi trong quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả mà đối tượng bị xử phạt không chấp hành hoặc chưa chấp hành xong các biện pháp khôi phục lại tình trạng của đất như trước khi vi phạm, khắc phục tình trạng làm suy giảm chất lượng đất, khắc phục việc thải chất độc hại vào đất thì xử lý theo quy định tại Nghị định số 105/2009/NĐ-CP ngày 11 tháng

11 năm 2009 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. Trong thời hạn ba (3) ngày làm việc kể từ ngày thực hiện xong việc cưỡng chế, người ra quyết định cưỡng chế có trách nhiệm thông báo cho đối tượng bị cưỡng chế về số tiền phải hoàn trả lại ngân sách nhà nước. Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của người ra quyết định cưỡng chế, đối tượng bị cưỡng chế có trách nhiệm hoàn trả chi phí cưỡng chế nêu trong thông báo.

Người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế thông báo tới cơ quan tài nguyên và môi trường cấp tỉnh, cấp huyện về việc chuyển nhượng, tặng cho, góp vốn, nhận thừa kế nhưng không đủ điều kiện theo quy định của pháp luật để cơ quan tài nguyên và môi trường cấp đó không làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đã cấp cho đối tượng bị cưỡng chế.

Biện pháp cưỡng chế để tịch thu lợi ích có được do vi phạm được áp dụng theo quy định tại Nghị định số 105/2009/NĐ-CP. Trong trường hợp thực hiện biện pháp cưỡng chế để buộc phải cung cấp thông tin, giấy tờ, tài liệu và chấp hành yêu cầu thanh tra, kiểm tra thì tùy từng trường hợp cụ thể, người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế và yêu cầu cơ quan có thẩm quyền quy định tại Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02/4/2008.

Người có thẩm quyền ra quyết định áp dụng một trong các biện pháp cưỡng chế hành chính trong lĩnh vực đất đai quy định tại Thông tư này có nhiệm vụ tổ chức việc cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt của mình và của cấp dưới, bao gồm: Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn; Chủ tịch UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; Chủ tịch UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Chánh Thanh tra Sở Tài

nguyên và Môi trường, Chánh Thanh tra Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Người có thẩm quyền ra quyết định áp dụng biện pháp cưỡng chế hành chính để tước giấy phép, chứng chỉ hành nghề về định giá đất, cấm hành nghề tư vấn về lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, bao gồm: Chủ tịch UBND cấp huyện, cấp tỉnh; Chánh Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường, Chánh Thanh tra Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Đối với trường hợp tháo dỡ nhà ở, công trình xây dựng trái phép trên đất thì người có thẩm quyền ra quyết định áp dụng biện pháp cưỡng chế hành chính để buộc khôi phục lại tình trạng của đất như trước khi vi phạm, bao gồm: Chủ tịch UBND cấp huyện; Chủ tịch UBND cấp tỉnh.

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 10 năm 2010.

(Xem toàn văn tại: [monre.gov.vn](http://monre.gov.vn))

## **Thông tư liên tịch số 20/2010/TTLT - BKH - BTC của Liên bộ Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính quy định chi tiết việc cung cấp thông tin về đấu thầu để đăng tải trên Báo Đấu thầu**

Ngày 21/9/2010 Liên bộ Bộ Tài chính và Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã ban hành Thông tư liên tịch số 20/2010/TTLT-BKH-BTC Quy định chi tiết việc cung cấp thông tin về đấu thầu để đăng tải trên Báo Đấu thầu.

Thông tư này áp dụng cho các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, UBND các cấp, các tập đoàn kinh tế nhà nước, các tổng công ty nhà nước và các tổ chức, cá nhân liên quan khác có dự án thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Đấu thầu thực hiện việc cung cấp thông tin và chỉ đạo các chủ đầu tư, bên mời thầu và các đơn vị liên quan thuộc phạm vi quản lý của mình cung cấp các thông tin về đấu thầu cho Báo Đấu thầu để thực hiện việc đăng tải theo quy định. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân có dự án không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Đấu thầu cung cấp thông tin để đăng tải trên Báo Đấu thầu nhằm chuẩn hóa, thống nhất nội dung thông tin và tăng cường tính công khai, minh bạch trong đấu thầu.

Nội dung thông tin đăng tải trên Báo Đấu thầu gồm 5 nội dung chính là: Nội dung thông tin; Hạn mức; Thời hạn cung cấp/nhận thông tin; Cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm gửi thông

tin; Số kỳ đăng tải. Trong đó phần Nội dung thông tin đối với các thông tin về lựa chọn nhà thầu gồm: Kế hoạch đấu thầu dự án (hoặc của một, hoặc một số gói thầu) hoặc mua sắm thường xuyên; Thông báo mời sơ tuyển đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, xây lắp, EPC; Thông báo mời nộp hồ sơ quan tâm đối với gói thầu dịch vụ tư vấn; Thông báo mời thầu; Danh sách ngắn; Kết quả lựa chọn nhà thầu; Thông báo mời chào hàng cạnh tranh đối với gói thầu mua sắm hàng hóa. Phần nội dung thông tin đối với các thông tin về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện đầu tư dự án có sử dụng đất gồm: Danh mục dự án có sử dụng đất cần lựa chọn nhà đầu tư; Danh sách nhà đầu tư đăng ký tham gia lựa chọn nhà đầu tư thực hiện đầu tư dự án có sử dụng đất; Thông báo mời thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện đầu tư dự án có sử dụng đất; Kết quả lựa chọn nhà đầu tư thực hiện đầu tư dự án có sử dụng đất. Phần nội dung thông tin đối với các thông tin về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án BOT, dự án BTO, dự án BT bao gồm: Danh mục Dự án BOT, Dự án BTO, Dự án BT của ngành và địa phương; Danh sách nhà đầu tư đăng ký tham gia đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện Dự án BOT,



Dự án BTO, Dự án BT; Thông báo mời thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện Dự án BOT, Dự án BTO, Dự án BT; Thông báo mời sơ tuyển lựa chọn nhà đầu tư thực hiện Dự án BOT, Dự án BTO, Dự án BT; Kết quả lựa chọn nhà đầu tư thực hiện Dự án BOT, Dự án BTO, Dự án BT. Ngoài ra đơn vị còn phải cung cấp các thông tin văn bản quy phạm pháp luật và xử lý vi phạm về đấu thầu cho Báo.

Trường hợp các gói thầu không thuộc diện phải đăng tải trên Báo Đấu thầu thì phải đăng tải trên một tờ báo viết được phát hành rộng rãi trong một ngành hoặc một tỉnh hoặc rộng rãi cả nước và phải đảm bảo số kỳ đăng tải như quy định.

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khi thực hiện việc cung cấp thông tin để đăng tải trên Báo Đấu thầu có trách nhiệm tuân thủ theo quy định tại Thông tư này và các quy định của pháp luật về đấu tư và pháp luật về đấu thầu liên quan.

Báo Đấu thầu có trách nhiệm đăng tải các thông tin nhận được theo đúng quy định. Báo Đấu thầu sẽ tiến hành đăng tải thông tin trong thời gian chậm nhất là 3 ngày làm việc sau khi nhận được đầy đủ các thông tin sau: Thông báo mời sơ tuyển đối với gói thầu mua sắm hàng

hóa, xây lắp, EPC; Thông báo mời nộp hồ sơ quan tâm đối với gói thầu dịch vụ tư vấn; Thông báo mời thầu; Thông báo mời chào hàng cạnh tranh đối với gói thầu mua sắm hàng hóa; Thông báo mời thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện đầu tư dự án có sử dụng đất; Thông báo mời sơ tuyển lựa chọn nhà đầu tư thực hiện Dự án BOT, Dự án BTO, Dự án BT; Thông báo mời thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện Dự án BOT, Dự án BTO, Dự án BT. Đối với các thông tin còn lại, Báo Đấu thầu tiến hành đăng tải theo thời gian chậm nhất là 10 ngày làm việc sau khi nhận được thông tin.

Chi phí đăng tải trên Báo Đấu thầu do các cơ quan, tổ chức thực hiện việc đăng tải thông tin đấu thầu và các thông tin liên quan trên Báo Đấu thầu chịu trách nhiệm theo quy định tại Thông tư này.

Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày kể từ ngày ký và thay thế văn bản số 4073/BKH-QLĐT ngày 5/6/2008 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc cung cấp thông tin cho Báo Đấu thầu.

(Xem toàn văn tại: [www.mpi.gov.vn](http://www.mpi.gov.vn))

## VĂN BẢN CỦA ĐỊA PHƯƠNG

### **Quyết định số 29/2010/QĐ-UBND của UBND tỉnh Khánh Hòa ban hành Quy định về việc lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình, chi phí lập quy hoạch xây dựng và chi phí dịch vụ công ích đô thị trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa**

Ngày 9/9/2010 UBND tỉnh Khánh Hòa đã ban hành Quyết định số 29/2010/QĐ-UBND Quy định hướng dẫn về việc lập và quản lý các chi phí đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa bao gồm: Tổng mức đầu tư xây

dựng công trình, dự toán xây dựng công trình, định mức xây dựng và giá xây dựng công trình của các dự án sử dụng 30% vốn nhà nước trở lên (bao gồm vốn ngân sách nhà nước thuộc thẩm quyền quyết định của địa phương, kể cả

vốn từ các nguồn thu để lại, quỹ phát triển sự nghiệp, vốn quỹ phát triển sự nghiệp của các đơn vị sự nghiệp công lập; vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA); vốn tín dụng đầu tư phát triển thuộc thẩm quyền quyết định của địa phương; vốn tín dụng do địa phương bảo lãnh và vốn đầu tư khác của địa phương. Chi phí lập quy hoạch xây dựng đối với các loại quy hoạch xây dựng sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước; Chi phí dịch vụ công ích đô thị đối với các loại dịch vụ công ích đô thị sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước; Đối với các dự án sử dụng vốn ODA, nếu điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có những quy định về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình khác với những nội dung của Quy định này thì thực hiện theo các quy định tại Điều ước quốc tế đó.

Quy định này áp dụng cho các đối tượng là Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình các dự án đầu tư; chi phí lập quy hoạch xây dựng; chi phí dịch vụ công ích đô thị. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình của các dự án sử dụng ít hơn 30% vốn nhà nước trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa áp dụng Thông tư số 04/2010/TT-BXD ngày 26/5/2010 của Bộ Xây dựng hướng dẫn lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình và Quy định này.

Nội dung tổng mức đầu tư của dự án đầu tư xây dựng công trình theo quy định tại Thông tư số 04/2010/TT-BXD; Đối với trường hợp chỉ lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình, tổng mức đầu tư đồng thời là dự toán xây dựng công trình. Nội dung dự toán xây dựng công trình theo quy định tại Quy định này.

Tổng mức đầu tư của dự án đầu tư xây dựng công trình được tính toán và xác định trong giai đoạn lập dự án đầu tư xây dựng công trình hoặc lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình. Tổng mức đầu tư của dự án đầu tư xây dựng công trình được tính theo công thức của Thông tư số 04/2010/TT-BXD. Tùy theo tính

chất, loại công trình xây dựng, chủ đầu tư, tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng công trình có trách nhiệm lựa chọn phương pháp xác định tổng mức đầu tư phù hợp với đặc điểm, yêu cầu của dự án để tính toán hiệu quả đầu tư xây dựng công trình. Tùy theo tính chất, điều kiện cụ thể của công trình, dự án, chủ đầu tư có thể lập dự toán chi phí khảo sát xây dựng bằng các phương pháp khác nhau như: xác định trên cơ sở khối lượng và đơn giá khảo sát xây dựng; vận dụng số liệu chi phí khảo sát đã thực hiện của các công trình có yêu cầu kỹ thuật và điều kiện thực hiện công tác khảo sát xây dựng tương tự.

Khi lập dự án đầu tư xây dựng công trình hoặc lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật đối với trường hợp không phải lập dự án, chủ đầu tư phải xác định tổng mức đầu tư để tính toán hiệu quả đầu tư xây dựng. Thẩm định tổng mức đầu tư là một nội dung của việc thẩm định dự án đầu tư xây dựng công trình; nội dung thẩm định tổng mức đầu tư thực hiện theo quy định tại Nghị định số 112/2009/NĐ-CP. Dự toán công trình, hạng mục công trình phải được tính đủ các yếu tố chi phí theo quy định. Trước khi phê duyệt dự toán công trình, Chủ đầu tư phải tổ chức thẩm định dự toán công trình bao gồm các nội dung được quy định tại Nghị định số 112/2009/NĐ-CP.

Hệ thống các đơn giá xây dựng công trình, đơn giá sửa chữa công trình xây dựng, bảng giá ca máy và thiết bị thi công do UBND tỉnh Khánh Hòa công bố tại từng thời điểm tương ứng. Bảng giá vật liệu xây dựng do liên Sở Tài chính - Xây dựng công bố. Hệ thống đơn giá, giá vật liệu xây dựng do các cơ quan trên công bố là cơ sở áp dụng để xác định dự toán và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa. Trường hợp liên Sở Tài chính - Xây dựng công bố giá vật liệu xây dựng chưa kịp thời hoặc chưa phù hợp với thực tế hoặc giá vật liệu xây dựng không có trong công bố giá vật liệu thì thực hiện như quy định của Quy định này.

Đối với việc lập và quản lý chi phí dịch vụ công ích đô thị trong Quy định này nêu rõ: Đối tượng, phạm vi áp dụng và nguyên tắc chung của việc lập và quản lý chi phí dịch vụ công ích đô thị thực hiện như quy định tại Thông tư số 06/2008/TT-BXD ngày 20/3/2008 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn lập và quản lý chi phí dịch vụ công ích đô thị. Việc tổ chức đấu thầu dịch vụ công ích đô thị thực hiện theo quy định hiện hành về đấu thầu, đặt hàng hoặc giao kế hoạch dịch vụ công ích.

Dự toán chi phí dịch vụ công ích đô thị bao gồm chi phí vật liệu, chi phí nhân công, chi phí sử dụng xe máy và thiết bị, chi phí quản lý chung và lợi nhuận định mức. Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm tổ chức, phân công nhiệm vụ cho phòng chuyên môn hoặc bộ phận chuyên môn trực thuộc lập kế hoạch và dự toán dịch vụ công ích đô thị. Kế hoạch và dự toán dịch vụ công ích đô thị được UBND cấp huyện trực tiếp ký xác nhận trước khi trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định.

Hệ thống các đơn giá dịch vụ công ích trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa bao gồm: Đơn giá thu gom, vận chuyển và xử lý chôn lấp rác thải đô thị; đơn giá duy trì hệ thống thoát nước đô thị; đơn giá duy trì hệ thống cây xanh đô thị và đơn giá duy trì hệ thống chiếu sáng công cộng. Hệ thống các đơn giá trên được UBND tỉnh Khánh Hòa công bố và Bảng giá vật liệu xây dựng do liên Sở Tài chính - Xây dựng công bố là cơ sở áp dụng để xác định dự toán và quản lý chi phí dịch vụ công ích đô thị trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

Đối với việc lập và quản lý chi phí lập quy hoạch xây dựng tại Quy định này nêu rõ:

- Dự toán chi phí lập các loại quy hoạch xây dựng bao gồm: Quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch chung xây dựng đô thị, quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị, quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn và các loại quy hoạch xây dựng khác gọi tắt là dự toán chi phí lập quy hoạch xây dựng, là một nội dung trong nhiệm vụ quy hoạch xây dựng.

- Dự toán chi phí lập quy hoạch xây dựng bao gồm các thành phần chi phí để sử dụng cho các công việc: Khảo sát địa hình, địa chất phục vụ lập quy hoạch xây dựng; lập, thẩm định, phê duyệt, quản lý công tác quy hoạch xây dựng; tổ chức công bố quy hoạch xây dựng; cắm mốc giới quy hoạch xây dựng ngoài thực địa; các công việc khác phục vụ cho công tác quy hoạch xây dựng.

- Người có thẩm quyền phê duyệt đồ án quy hoạch xây dựng là người phê duyệt dự toán chi phí lập quy hoạch xây dựng. Riêng đối với các đồ án quy hoạch xây dựng do UBND cấp huyện, Ban Quản lý Khu Kinh tế Vân Phong, Sở Xây dựng hoặc các đơn vị khác do UBND tỉnh giao nhiệm vụ tổ chức lập (gọi chung là các đơn vị tổ chức lập quy hoạch) và thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND tỉnh thì ủy quyền cho các đơn vị tổ chức lập quy hoạch tổ chức thẩm định và phê duyệt dự toán chi phí lập quy hoạch xây dựng sau khi UBND tỉnh phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch xây dựng.

- Nhiệm vụ, dự toán chi phí và kế hoạch vốn lập quy hoạch xây dựng phải được phê duyệt trước khi lập kế hoạch đấu thầu và tổ chức lựa chọn nhà thầu tư vấn lập quy hoạch xây dựng.

Các quy hoạch xây dựng chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch xây dựng thì thực hiện như các nội dung quy định tại Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 06/2008/QĐ-UBND của UBND tỉnh ban hành Quy định về việc lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa và Quyết định số 45/2009/QĐ-UBND ngày 15/6/2009 của UBND tỉnh ban hành Quy định điều chỉnh, bổ sung một số nội dung về việc lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình, chi phí lập quy hoạch xây dựng và chi phí dịch vụ công ích trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

**(Xem toàn văn tại: [www.khanhhoa.gov.vn](http://www.khanhhoa.gov.vn))**

**Nghiệm thu đề tài:**

**Hỗ trợ nghiên cứu, đề xuất giải pháp, lựa chọn công nghệ xử lý 04 bãi rác gây ô nhiễm môi trường tại khu vực phía Nam theo Quyết định 64/2003/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ**

Ngày 29/9/2010, Hội đồng KHKT chuyên ngành – Bộ Xây dựng đã tiến hành nghiệm thu đề tài: “Hỗ trợ nghiên cứu, đề xuất giải pháp, lựa chọn công nghệ xử lý 04 bãi rác gây ô nhiễm môi trường tại khu vực phía Nam theo Quyết định 64/2003/QĐ-TTg” do TS.KTS Lưu Đức Cường – Giám đốc Trung tâm NC và QH Môi trường Đô thị – Nông thôn làm chủ nhiệm đề tài.

Trong giai đoạn hiện nay, công tác quản lý chất thải rắn đang được quan tâm ngày càng cao từ Trung ương đến địa phương và cộng đồng xã hội. Vai trò của công tác quản lý chất thải rắn tại các đô thị có ý nghĩa quan trọng trong sự nghiệp phát triển đô thị bền vững. Tuy nhiên các bãi chôn lấp không hợp vệ sinh, gây ô nhiễm môi trường là những tồn tại tất yếu của lịch sử phát triển các đô thị ở Việt Nam. Tại các đô thị hầu hết chất thải rắn chưa được phân loại, biện pháp xử lý chủ yếu là chôn lấp và phần lớn chưa đạt tiêu chuẩn vệ sinh mà chỉ là các bãi lộ thiên, không được xử lý chôn lấp đậy bãi và xử lý nước rác, khí rác một cách triệt để, gây ô nhiễm môi trường và sức khỏe cộng đồng. Năm 2003, Thủ tướng Chính phủ đã ra Quyết định 64/2003/QĐ-TTg về xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường, sau 5 năm thực hiện kế hoạch, không ít các bãi rác gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng đã được xử lý và đạt kết quả tích cực. Tuy nhiên, tiến độ xử lý các bãi rác vẫn còn chậm, đạt tỷ lệ thấp so với mục tiêu mà Quyết định của Thủ tướng Chính phủ đã đề ra. Một số địa phương còn gặp khó

khăn trong công tác xử lý ô nhiễm môi trường và hiện vẫn còn tồn tại các bãi rác ô nhiễm gây bức xúc cho người dân. Trước tình hình trên, Bộ Xây dựng đã tiến hành thực hiện nhiệm vụ: “Hỗ trợ nghiên cứu, đề xuất giải pháp, lựa chọn công nghệ xử lý 04 bãi rác gây ô nhiễm môi trường tại khu vực phía Nam theo Quyết định 64/2003/QĐ-TTg” và giao cho Trung tâm Nghiên cứu và Quy hoạch môi trường Đô thị – Nông thôn thực hiện, đây là nhiệm vụ rất cần thiết để hỗ trợ một số địa phương gặp khó khăn trong công tác bảo vệ môi trường cũng như thực hiện nhiệm vụ quản lý chất thải rắn của Bộ Xây dựng.

Thay mặt nhóm nghiên cứu, TS.KTS Lưu Đức Cường đã trình bày báo cáo tóm tắt nội dung của đề tài trước Hội đồng. Với tổng số 128 trang, bố cục đề tài chia làm 4 phần. Phạm vi nghiên cứu được thực hiện trên phạm vi các đô thị, nơi hiện đang tồn tại các bãi rác ô nhiễm môi trường trong danh mục của Quyết định 64/2003/QĐ-TTg là 04 bãi rác: Phước Cơ thành phố Vũng Tàu – tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, bãi rác thành phố Tân An – tỉnh Long An, bãi rác thành phố Rạch Giá- tỉnh Kiên Giang và bãi rác Đại Ngãi thành phố Sóc Trăng – tỉnh Sóc Trăng.

Quá trình nghiên cứu được tiến hành dựa trên phương pháp tiếp cận hệ thống, phương pháp kế thừa, thu thập tài liệu, số liệu đã có của các đề tài, dự án, chương trình đã và đang thực hiện. Điều tra, khảo sát thực địa, đánh giá, tổng hợp nguồn tài liệu, số liệu liên quan, dự báo các điều kiện môi trường, khả năng chịu tải của bãi

chôn lấp, họp nhóm chuyên gia lấy ý kiến và thống kê về nguồn lực và vật lực.

Qua phân tích và đánh giá cho thấy, 4 bãi rác gây ô nhiễm môi trường có một số đặc điểm chung là các bãi rác đều nằm trong vùng mang đặc điểm tự nhiên của vùng ĐBSCL và nằm trong phạm vi khu vực đô thị, khu vực mới đô thị hoá, là những vùng nhạy cảm với ô nhiễm môi trường. Quá trình hình thành bãi rác đều trên 15 năm, thành phần khối lượng chất thải rắn tương đối giống nhau, chủ yếu là rác sinh hoạt, trong số 4 bãi rác phải xử lý ô nhiễm thì có 3 bãi rác đã đóng cửa và ngừng hoạt động là bãi rác Phước Cơ - TP. Vũng Tàu, bãi rác Đại Ngãi - TP. Sóc Trăng và bãi rác Rạch Giá - TP. Rạch Giá, một bãi rác đang hoạt động là bãi rác thành phố Tân An, tỉnh Long An. Phương pháp xử lý ô nhiễm môi trường tại 4 bãi rác mà các chuyên gia đề xuất để hạn chế ô nhiễm môi trường từ các bãi rác, hạn chế ảnh hưởng đến nguồn nước mặt, nước ngầm và không khí cho khu vực xung quanh; Tận dụng các phương tiện đang có của công ty MTĐT tại các thành phố, đồng thời cơ sở hạ tầng sẽ được tiến hành xây dựng khi bãi rác mở rộng theo kế hoạch của tỉnh; Huy động nguồn vốn phù hợp giải quyết được ô nhiễm môi trường hiện tại nhưng có thể xử lý chất thải rắn của các thành phố trong tương lai.

Vì 4 bãi rác có đặc điểm chung là từ lâu không được chôn lấp hợp vệ sinh, để xử lý các bãi rác ô nhiễm này, trước hết phải đóng cửa các bãi rác và xử lý ô nhiễm môi trường, chuyển toàn bộ lượng rác tại các bãi cũ đến địa điểm xử lý mới, tận thu rác thải và chôn lấp hợp vệ sinh thành phần không thể tận thu. Nhìn chung phương pháp tận thu rác thải là có nhiều ưu điểm nhất, vì các thành phần hữu cơ trong rác thải đã được ủ tự nhiên nhân tạo thành mùn, vì vậy có thể tận thu thành phần mùn này làm phân bón cho cây trồng, cải tạo đất cho các loại cây trồng công nghiệp, trồng rừng hay cũng có thể bón lót cho cây ăn quả, đồng thời có thể

ngăn ngừa tác nhân gây ô nhiễm và không phải vận hành công trình xử lý ô nhiễm môi trường về sau. Tuy nhiên, phụ thuộc vào điều kiện cụ thể của từng địa phương có thể kết hợp với giải pháp chuyển rác đến nơi xử lý mới (những thành phần không thể thu hồi đem chôn lấp hoặc cần phải xử lý gia công thêm tại nơi xử lý tập trung).

Việc ngăn ngừa và hạn chế ô nhiễm môi trường đối với 4 bãi rác sẽ được thực hiện trong giai đoạn tận thu mùn hữu cơ, sau khi quá trình tận thu kết thúc tiến hành phương án xây tường bao quanh bãi rác với chiều cao trên mặt đất 2-3m và chiều sâu sới lòng đất bằng độ sâu chôn lấp để ngăn cản sự lan truyền nước rác ra xung quanh. Như vậy chiều cao của tường tương ứng: bãi rác Phước Cơ là 4m, bãi rác Tân An là 6m, bãi rác Đại Ngãi là 5m và bãi rác Rạch Giá là 4,5m. Trong quá trình thi công cần có những khảo sát kỹ lưỡng về mặt địa chất để đề ra phương án xây dựng xung quanh cho phù hợp. Vật liệu sử dụng để xây dựng chủ yếu là gạch, với giải pháp này, các chất ô nhiễm từ nước rác sẽ giảm lượng lan truyền sang khu vực xung quanh, hạn chế ô nhiễm đối với khu lân cận như các kênh mương, diện tích đất nông nghiệp, khu dân cư lân cận.

Để thu gom và xử lý nước rác, đối với các khu vực bãi rác chưa được xử lý cần tiến hành phủ bạt tạm thời bằng vải địa kỹ thuật chống thấm trên bề mặt để ngăn nước mưa thấm vào bãi rác, nước mưa được tách ra thu gom theo hệ thống thoát riêng và xả thẳng ra nguồn tiếp nhận. Để thu gom phần nước rác sinh ra từ rác chôn lấp, có thể khoan xuống đáy lớp rác theo chiều thẳng đứng, sâu > 20m, đường kính ống là 150mm và kèm theo một máy bơm hút nước rác đến trạm xử lý hoặc thu hồi nước rác bằng hệ thống hào và cống. Để xử lý rác và hạn chế mùi hôi của rác có thể sử dụng phẩm sinh học như Bokashi-em, đối với các khu vực đã hoàn thành việc thu hồi mùn hữu cơ cần đóng bãi ngay để hạn chế mùi hôi.



Theo đánh giá của chủ tịch Hội đồng nghiệm thu, đề tài đã được tiến hành điều tra, tìm hiểu, đánh giá xác thực tình hình thực tế và đưa ra giải pháp đối với từng bãi rác. Tuy nhiên, cần rà soát lại các biện pháp kỹ thuật, cập nhật các văn bản pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn mới nhất có liên quan. Theo đánh giá chung của Hội đồng, nhóm tác giả nhất thiết phải lấy

ý kiến của các địa phương về giải pháp xử lý bãi rác, từ đó hoàn chỉnh báo cáo và gửi lại từng địa phương các báo cáo này, được sự đồng ý của địa phương đó mới tiến hành xử lý.

Với kết quả thực hiện, đề tài đã được Hội đồng nhất trí nghiệm thu và xếp loại Khá./.

Bích Ngọc

## **Nghiên cứu chế tạo xi măng poóc lăng đá vôi từ clinker xi măng poóc lăng**

Ngày 30/9/2010 Hội đồng KHKT chuyên ngành Bộ Xây dựng đã họp nghiệm thu kết quả nghiên cứu của đề tài: Nghiên cứu chế tạo xi măng poóc lăng đá vôi từ Clinker xi măng poóc lăng” do TS. Nguyễn Như Quý thuộc Hội Công nghiệp Bê tông Việt Nam làm chủ nhiệm đề tài.

Nước ta đang trong quá trình CNH - HĐH nhu cầu về VLXD rất lớn. Nhu cầu xi măng năm sau cao hơn năm trước. Để đáp ứng nhu cầu tiêu thụ xấp xỉ 50 triệu tấn/năm trong giai đoạn hiện nay, hàng năm nước ta vẫn phải nhập clinker của một số nước xung quanh như Thái Lan, Trung Quốc... Do đó việc nghiên cứu sử dụng các loại phụ gia mịn thay thế một phần clinker xi măng có vai trò quan trọng.

Trong vài chục năm trở lại đây, trên thế giới, đá vôi đã được nghiên cứu sử dụng làm phụ gia cho xi măng một cách phổ biến. Đá vôi nghiền mịn có thể sử dụng làm phụ gia mịn trong quá trình chế tạo bê tông (bê tông tự lèn) hoặc đưa vào xi măng clinker làm xi măng poóc lăng hỗn hợp (xi măng đá vôi). Đá vôi nghiền mịn cũng như một số phụ gia mịn khác có khả năng lấp đầy một phần độ rỗng giữa các hạt xi măng, có tác dụng tạo mầm kết tinh cho quá trình rắn chắc của xi măng. Các hạt đá vôi nghiền mịn giúp tăng khả năng phân tán các hạt xi măng giúp tăng dẻo và tăng mức độ thủy hoá. Qua một số nghiên cứu trên thế giới cho thấy đá vôi ở trạng thái nghiền mịn không hoàn toàn trợ. Bột đá vôi có khả năng phản ứng, hoặc đóng

vai trò là chất xúc tác thúc đẩy quá trình thủy hoá các khoáng xi măng trong thời gian đầu, trì hoãn quá trình chuyển đổi ettringite thành monosulfate. Ngoài ra chúng còn thúc đẩy quá trình tạo thành monocarbonate aluminat calcium thay vì tạo dạng monosulfate, từ đó tạo cho xi măng có cường độ cao.

Việc sử dụng đá vôi có những lợi thế nhất định do đá vôi ở nước ta có trữ lượng lớn, chất lượng ổn định, giá thành rẻ. Hiện nay ở nước ta mặc dù đã có một số nhà máy sản xuất xi măng sử dụng đá vôi trên danh nghĩa phụ gia đầy, nghiên cứu clinker nhằm tạo ra hiệu quả kinh tế kỹ thuật. Tuy nhiên cho đến nay chưa có công trình nghiên cứu nào công bố về tác dụng của phụ gia đá vôi với vai trò là phụ gia đẩy được đưa vào nghiên cứu clinker đến sự thủy hoá rắn chắc của xi măng poóc lăng.

Để đáp ứng nhu cầu sử dụng đá vôi làm phụ gia cho xi măng ở Việt Nam, việc nghiên cứu chế tạo xi măng poóc lăng đá vôi từ clinker xi măng poóc lăng là cần thiết.

Trước yêu cầu thực tế, Bộ Xây dựng đã giao cho Hội Công nghiệp Bê tông Việt Nam thực hiện đề tài nhằm mục đích nghiên cứu chế tạo xi măng poóc lăng đá vôi (PLC) PLC30, PLC40 sử dụng đá vôi nghiền chung với clinker xi măng poóc lăng và phụ gia thạch cao.

Với mục đích nghiên cứu nêu trên, đề tài đã tiến hành:

- Nghiên cứu tính chất cơ lý của clinker xi

măng poóclăng, phụ gia đá vôi của Việt Nam.

- Nghiên cứu khảo sát các tính chất cơ lý của xi măng poóclăng đá vôi có hàm lượng phụ gia thạch cao (TC) thay đổi trong khoảng 1,5 - 8,5% và hàm lượng phụ gia đá vôi nghiền chung thay đổi từ 2 - 20%.

- Nghiên cứu khảo sát các tính chất của hỗn hợp bê tông và bê tông đã rắn chắc sử dụng các loại xi măng poóclăng đá vôi PLC30, PLC40 đã được chế tạo.

- Lựa chọn thành phần xi măng poóclăng đá vôi PLC30, PLC40 hợp lý đưa vào chế tạo thử trong điều kiện thực tế của 1 dây chuyền công nghiệp.

Sau 2 năm triển khai thực hiện đề tài đã thu được kết quả về tính khả thi của việc sử dụng đá vôi, nhất là đá vôi chất lượng thấp có hàm lượng MgCO<sub>3</sub> cao không dùng để nung clanhke được, trong sản xuất xi măng poóclăng đá vôi (PLC).

Đề tài cũng đã tiến hành nghiên cứu khả năng với sự có mặt của phụ gia đá vôi có thể cho phép giảm lượng dùng phụ gia thạch cao

trong sản xuất xi măng nhờ sự tham gia của Ca CO<sub>3</sub> vào việc tạo thành Ettringite cacbonát và kết quả cho thấy khi sử dụng phụ gia đá vôi để sản xuất PLC cho phép giảm đáng kể lượng dùng phụ gia thạch cao từ 20 - 50% mà không ảnh hưởng xấu đến các chỉ tiêu chất lượng của xi măng. Đồng thời đối với xi măng có lượng phụ gia thạch cao thấp loại cho phép tăng cao lượng sử dụng phụ gia đá vôi.

Sau khi nghe các báo cáo phản biện và ý kiến đóng góp, nhận xét của các thành viên, Hội đồng KHKT chuyên ngành Bộ Xây dựng đã đánh giá cao hình thức nghiên cứu kết hợp thực nghiệm với mô hình toán là hợp lý. Các số liệu kết quả của đề tài về cơ bản là tin cậy.

ThS. Trần Đình Thái - Phó Vụ trưởng Vụ KHCN và Môi trường Bộ Xây dựng, Chủ tịch Hội đồng nghiệm thu công bố kết quả cho thấy Hội đồng nhất trí đánh giá đề tài đạt loại Khá.

**Minh Tâm**

## Hướng dẫn kỹ thuật chống giữ hố đào

Ngày 5/10/2010, Hội đồng KHKT chuyên ngành -Bộ Xây dựng đã tiến hành nghiệm thu tiêu chuẩn: “Hướng dẫn kỹ thuật chống giữ hố đào” do TS. Nguyễn Hồng Sinh – Viện KHCN Xây dựng làm chủ nhiệm đề tài.

Thì công hố đào luôn tiềm ẩn nguy cơ gây hư hỏng công trình lân cận, đặc biệt khi thi công các hố đào sâu trong đất yếu, cát, mực nước ngầm cao. Ở Việt Nam đã xảy ra không ít sự cố nghiêm trọng do thi công hố đào, mặc dù Bộ Xây dựng đã ban hành tài liệu “Hướng dẫn kỹ thuật phòng ngừa sự cố công trình khi đào hố móng sâu trong vùng đất yếu” nhằm phòng ngừa các sự cố đó. Tuy các giải pháp cơ bản như khảo sát, thiết kế biện pháp thi công, quan trắc địa kỹ thuật trong quá trình thi công đều đã được đề cập, nhưng trong thực tế đều chưa được quan tâm đúng mức, các sự cố xảy ra do

nhiều nguyên nhân, trong đó nguyên nhân chủ quan chiếm tỷ lệ lớn. Để phòng ngừa sự cố cho các công trình lân cận, Viện KHCN Xây dựng đã biên soạn Hướng dẫn có cấu trúc tương tự và tập trung phân tích nguyên nhân sự cố và đề xuất biện pháp phòng ngừa.

Theo báo cáo của Chủ nhiệm đề tài, công tác biên soạn tiêu chuẩn thực hiện chuyển dịch nội dung tiêu chuẩn JGJ 120-1999 do Viện Hàn lâm Xây dựng Trung Quốc chủ biên, Bộ Xây dựng Trung Quốc ban hành năm 1999. Tiêu chuẩn này chỉ áp dụng cho các loại hố đào trong đất thông thường, trừ đất trương nở, lún sập; áp dụng trong quy định các biện pháp khảo sát, thiết kế, thi công và kiểm tra chất lượng để đảm bảo ổn định hố đào và an toàn các công trình lân cận trong vùng ảnh hưởng của hố đào.

Về nguyên tắc thiết kế, trạng thái giới hạn của kết cấu chống giữ hố đào được chia làm 2 loại: trạng thái giới hạn về độ bền tương ứng với khả năng chịu lực lớn nhất của kết cấu chống giữ hoặc nền đất mất ổn định hoặc biến dạng quá lớn dẫn đến phá hoại kết cấu chống giữ hoặc gây hư hại công trình xung quanh hố đào và trạng thái giới hạn sử dụng tương ứng với biến dạng của kết cấu chống giữ làm ảnh hưởng đến thi công kết cấu ngầm hoặc làm ảnh hưởng đến công năng sử dụng bình thường của công trình xung quanh hố đào.

Trong thiết kế kết cấu chống giữ hố đào cần phải xét đến chuyển vị, biến dạng ngang và thẳng đứng của công trình xung quanh. Đối với công tác điều tra khảo sát công trình xung quanh hố đào, cần điều tra loại hình kết cấu, số tầng, loại hình móng, chiều sâu, độ lớn của tải trọng móng và tình trạng kết cấu phía trên của các công trình trong phạm vi ảnh hưởng. Tình trạng và phân bố của các công trình hạ tầng ngầm bao gồm đường ống nước trên và dưới mặt đất, đường điện, hệ thống khí ga, nước thải, nước mưa, đường ống cấp nhiệt trong phạm vi ảnh hưởng của hố đào, tình trạng hệ thống thu, thoát nước mặt, nước thải trong và ngoài khu

vực đào, tình trạng rò rỉ hệ thống ống nước và mức độ ảnh hưởng tới công tác đào hố móng, khoảng cách đến hệ thống giao thông xung quanh hố đào và tình trạng tải trọng phương tiện giao thông.

Công tác quan trắc hố đào cũng là một phần việc khá quan trọng, nên trước khi đào hố phải lập biện pháp quan trắc hố đào và công trình xung quanh. Bố trí các điểm quan trắc cho tất cả các hạng mục cần được bảo vệ trong phạm vi 1-2 lần chiều sâu hố đào kể từ mép hố. Chu kỳ quan trắc được xác định theo tiến trình thi công, khi biến dạng vượt quá tiêu chuẩn cho phép hoặc tỷ lệ các kết quả quan trắc thay đổi quá nhiều, phải tăng thêm số lần quan trắc, khi xuất hiện dấu hiệu cảnh báo phải liên tục tiến hành quan trắc và giám sát.

Theo đánh giá của Chủ tịch Hội đồng Nguyễn Trung Hoà - Vụ trưởng Vụ KHCN& MT - Bộ Xây dựng, đây là tiêu chuẩn được chuyển dịch hoàn toàn trung thành với bản gốc, đạt yêu cầu mục tiêu đã đề ra. Tiêu chuẩn đã được Hội đồng nghiệm thu đánh giá và xếp loại Khá./.

Bích Ngọc

## **Thông báo Danh sách các phòng thí nghiệm chuyên ngành Xây dựng được công nhận tháng 9/2010**

*Trong tháng 9/2010 đã có 25 phòng thí nghiệm chuyên ngành Xây dựng được Bộ Xây dựng ra quyết định công nhận, bổ sung các phép thử và cho phép đi vào hoạt động.*

TT	Tên phòng thí nghiệm	Mã số	Quyết định có hiệu lực
1	Phòng thí nghiệm VLXD và kiểm định công trình thuộc Cty TNHH XD kiểm định Bách Khoa Số 44A Lê Quốc Trinh, P. Phú Thọ Hoà, Q. Tân Phú - TP Hồ Chí Minh	LAS-XD 555	QĐ số 403/QĐ-BXD ngày 11/9/2010 có hiệu lực đến: 11/9/2013
2	Phòng TN tổng hợp LAS-XD 577 thuộc Cty CP tư vấn đầu tư XD Hoàng Phúc Số 21 Trần Quang Diệu, Tp. Pleiku, Tỉnh Gia Lai	LAS-XD 577	QĐ số 404/QĐ-BXD ngày 11/9/2010 có hiệu lực đến: 11/9/2013

3	Phòng TN cơ lý đất và địa chất công trình thuộc Cty CP tư vấn ĐT & XD Kon Tum Số 182 Lê Hồng Phong, Tp. Kon Tum, Tỉnh Kon Tum	LAS-XD 281	QĐ số 405/QĐ-BXD ngày 11/9/2010 có hiệu lực đến: 11/9/2013
4	Phòng thí nghiệm VLXD thuộc Cty TNHH tư vấn - kiểm định - XD số 2 Tổ 6, Quốc lộ 14, Phường Nghĩa Phú, Thị xã Gia Nghĩa, Tỉnh Đắk Nông	LAS-XD 561	QĐ số 406/QĐ-BXD ngày 11/9/2010 có hiệu lực đến: 11/9/2013
5	Phòng LAS-XD 87 và khảo sát địa chất thuộc Cty CP tư vấn XD Đắk Lắk Số 52 Lê Duẩn, Tp. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk	LAS-XD 87	QĐ số 407/QĐ-BXD ngày 11/9/2010 có hiệu lực đến: 11/9/2013
6	Phòng thí nghiệm chuyên ngành XD thuộc Cty TNHH tư vấn và kiểm định XD Hùng Đông Số 18/11, đường Đỗ Nhuận, Phường Sơn Kỳ, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh	LAS-XD 21	QĐ số 408/QĐ-BXD ngày 11/9/2010 có hiệu lực đến: 11/9/2013
7	Trung tâm thí nghiệm nền móng - địa chất - vật liệu kiểm định công trình XD thuộc Cty CP XD sản xuất thương mại dịch vụ Ngọc Minh Số 319, Nguyễn Công Trứ, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh	LAS-XD 200	QĐ số 409/QĐ-BXD ngày 13/9/2010 có hiệu lực đến: 13/9/2013
8	Phòng TN vật liệu và kiểm định XD thuộc Cty TNHH tư vấn và kiểm định XD Đông Thăng Long Số 466/47 Lê Văn Sỹ, P.14, Q.3, Tp. Hồ Chí Minh	LAS-XD 306	QĐ số 410/QĐ-BXD ngày 13/9/2010 có hiệu lực đến: 13/9/2013
9	Phòng thí nghiệm VLXD thuộc Trung tâm kiểm định chất lượng công trình XD (Sở XD Long An) Đường Hùng Vương, Phường 3, Tp. Tân An, Tỉnh Long An	LAS-XD 337	QĐ số 411/QĐ-BXD ngày 13/9/2010 có hiệu lực đến: 13/9/2013
10	Phòng TN vật liệu và kiểm định chất lượng công trình thuộc Cty CP Tư vấn Hội nhà thầu XD Long An N4-N5, Đường số 2, khu dân cư Nam trung tâm phường 6, Tp. Tân An, Tỉnh Long An	LAS-XD 984	QĐ số 412/QĐ-BXD ngày 13/9/2010 có hiệu lực đến: 13/9/2013
11	Phòng TN và kiểm định chất lượng XD thuộc Cty CP đầu tư và XD Âu Lạc Số 46 Ngõ 245, Mai Dịch, Cầu Giấy, Hà Nội	LAS-XD 988	QĐ số 419/QĐ-BXD ngày 15/9/2013 có hiệu lực đến: 15/9/2013

12	Phòng TN kiểm định VLXD - Cty CP Đầu tư Bê tông công nghệ cao thuộc Cty CP Đầu tư Bê tông công nghệ cao Khu Công nghiệp ông Kèo, Ấp 3, xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai	LAS-XD 985	QĐ số 421/QĐ-BXD ngày 16/9/2010 có hiệu lực đến: 16/9/2013
13	Trung tâm Thí nghiệm & ứng dụng kỹ thuật XD thuộc Cty CP tư vấn đầu tư & XD - Tổng Cty Miền Trung Số 517 Trần Cao Vân, Tp. Đà Nẵng	LAS-XD 10	QĐ số 423/QĐ-BXD ngày 20/9/2010 có hiệu lực đến: 20/9/2013
14	Trung tâm thí nghiệm VLXD và kiểm định chất lượng công trình thuộc Cty CP đầu tư XD Thịnh Tín Số 644, Đường 2/9, Phường Hoà Cường Nam, Quận Hải Châu, Tp. Đà Nẵng	LAS-XD 588	QĐ số 424/QĐ-BXD ngày 20/9/2010 có hiệu lực đến: 20/9/2013
15	Phòng thí nghiệm VLXD và kiểm định công trình thuộc Cty CP tư vấn và kiểm định chất lượng công trình Hưng Tín Lô A45 Hùng Vương (nối dài), Tp. Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam	LAS-XD 587	QĐ số 425/QĐ-BXD ngày 20/9/2010 có hiệu lực đến: 20/9/2013
16	Bổ sung các phép thử cho Phòng thí nghiệm XD thuộc Trung tâm Kiểm định và Quy hoạch XD Cần Thơ Số 25 Ngô Hữu Hạnh, P An Hội, Q Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ	LAS-XD 790	QĐ số 427/QĐ-BXD ngày 23/9/2010 có hiệu lực đến: 23/9/2013
17	Phòng TN và kiểm định XD thuộc Cty CP tư vấn và kiểm định XD Nam Hưng Số 84 Cách Mạng Tháng Tám, P. Cái Khế, Q Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ	LAS-XD 563	QĐ số 428/QĐ-BXD ngày 23/9/2010 có hiệu lực đến: 23/9/2013
18	Phòng Tn kiểm định XD thuộc Cty CP Tư vấn và Kiểm định VLXD số 1 Số 230C Quang Trung, Khóm 3, Phường 5, Tp. Cà Mau	LAS-XD 992	QĐ số 429/QĐ-BXD ngày 23/9/2010 có hiệu lực đến: 23/9/2013
19	Phòng thí nghiệm VLXD thuộc Cty CP tư vấn XD Đông Cường Số 19, tổ 18, khu Tập thể Văn Công Quân đội, Mai Dịch, Cầu Giấy, Hà Nội	LAS-XD 991	QĐ số 430/QĐ-BXD ngày 24/9/2010 có hiệu lực đến: 24/9/2013
20	Trung tâm TN vật liệu và kiểm tra chất lượng công trình XD thuộc Cty CP đầu tư Đại Hưng Thịnh Lô 12A đường 24/3, phường An Xuân, Tp. Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam	LAS-XD 979	QĐ số 431/QĐ-BXD ngày 27/9/2010 có hiệu lực đến: 27/9/2013



21	Phòng TN và kiểm định chất lượng công trình thuộc Cty CP tư vấn khảo sát địa chất công trình - thủy văn Số 8 Ngô Thì Nhậm, P. Hoà Khánh Nam, Q. Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng	LAS-XD 478	QĐ số 432/QĐ-BXD ngày 27/9/2010 có hiệu lực đến: 27/9/2013
22	Phòng thí nghiệm VLXD và cơ lý đất thuộc Cty TNHH tư vấn CN Lào Cai Tổ 26 Phố Phú Thịnh, P. Bắc Cường, Tp.Lào Cai	LAS-XD 999	QĐ số 433/QĐ-BXD ngày 27/9/2010 có hiệu lực đến: 27/9/2013
23	Trung tâm thí nghiệm VLXD thuộc Cty TNHH XD Tân Việt Số 107 Đường Bạch Đằng, P.Hồng Bàng - Tp. Hải Phòng	LAS-XD 589	QĐ số 434/QĐ-BXD ngày 27/9/2010 có hiệu lực đến: 27/9/2013
24	Phòng TN công trình và XD giao thông thuộc Cty CP lắp máy điện nước và XD1 Số 1, Ngõ 1, Đường 70A - Cầu Bươu, Thanh Trì, Hà Nội	LAS-XD 586	QĐ số 435/QĐ-BXD ngày 27/9/2010 có hiệu lực đến: 27/9/2013
25	Trung tâm TN và kiểm định XD Việt DELTA thuộc Cty CP tư vấn Việt DELTA Ô 34 - Lô BT2 - Khu đô thị mới Pháp Vân - Tứ Hiệp, Hoàng Mai, Hà Nội	LAS-XD 595	QĐ số 436/QĐ-BXD ngày 28/9/2010 có hiệu lực đến: 28/9/2013

Huỳnh Phước

## **Nghiên than Anthracite bằng máy nghiền đứng của Polysius - CHLB Đức**

Anthracite là loại nhiên liệu nổi bật so với các loại than khác, là loại than trầm tích được hình thành từ các đầm lầy thời tiền sử, nơi thực vật bị chết dưới nước và bị ức chế nên không phân hủy được như ở trong không khí. Khi đó, cả đầm lầy và các trầm tích hữu cơ được tạo thành đều bị bồi tích bao phủ. Dưới tác động của áp suất và bị tiếp xúc với nhiệt độ cao, quá trình cacbon hóa sẽ bắt đầu diễn ra. Đầu tiên hình thành sẽ là than bùn, tiếp theo là than nâu – loại than được hình thành dưới áp suất cao sau xấp xỉ từ 2,5 đến 65 triệu năm. Áp lực ở mức thậm chí còn cao hơn dẫn tới sự hình thành than cứng. Trầm tích than cứng tồn tại ngày nay được hình thành cách đây xấp xỉ 360 đến 290 năm. Cuối cùng, than Anthracite sẽ hình thành

khi áp suất tiếp tục tăng cao, mức độ cacbon hóa phụ thuộc vào niên đại và độ sâu của trầm tích riêng lẻ.

Than Anthracite có đặc trưng như sau: nhiệt trị thuần tương đối cao, có thể lên tới 6900 – 7300 kcal/kg. Hàm lượng chất bốc rất thấp, điều này làm than Anthracite khó bắt lửa hơn các loại than khác, có nghĩa là than Anthracite phải được nghiền thật mịn mới có thể sử dụng trong quá trình sản xuất xi măng, thường độ mịn phải là dư lượng 2-5% sót sàng 0,09 mm.

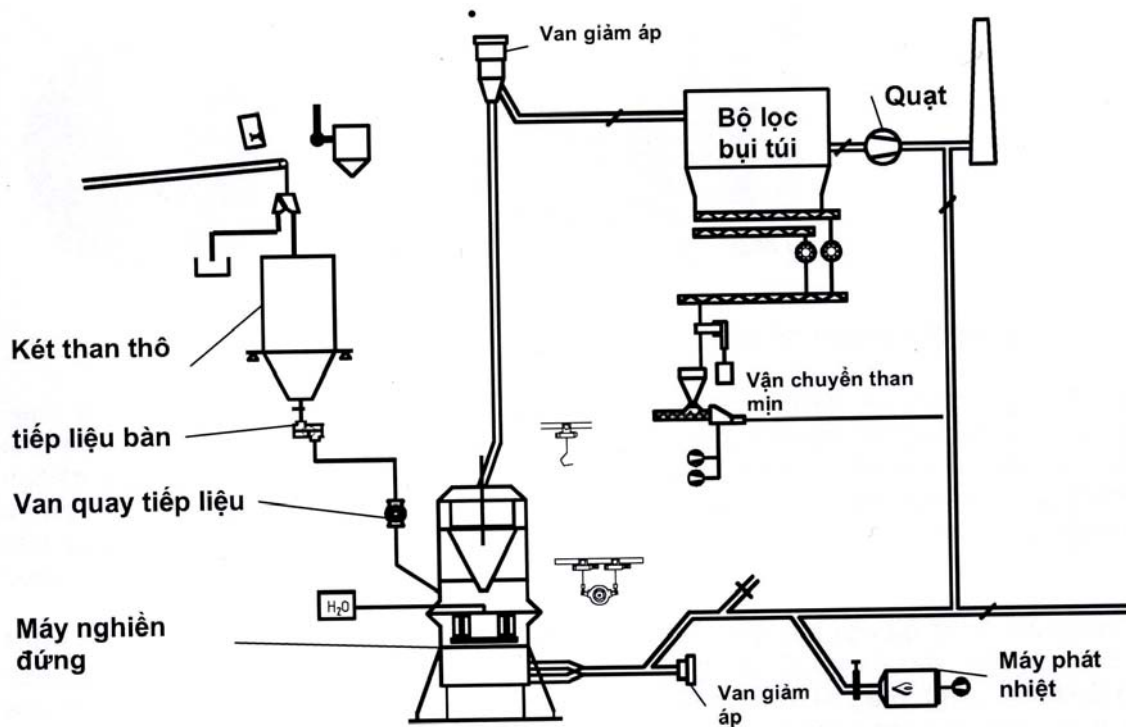
Việt Nam có trữ lượng trầm tích than rất lớn, trong đó than Anthracite là loại than được khai thác chủ yếu tại thời điểm này, đồng thời Việt Nam cũng là một trong những nước cung cấp than Anthracite hàng đầu thế giới, than

Anthracite tại Việt Nam có đặc điểm là hàm lượng tro cao (từ 10-20%), do vậy các xưởng nghiền than thường sẽ có tốc độ mài mòn lớn hơn. Đối với ngành công nghiệp xi măng Việt Nam, than Anthracite là loại nhiên liệu được yêu thích. Máy nghiền đứng của Polysius đã chứng tỏ là sự lựa chọn gọn nhẹ và hiệu quả về năng lượng cho việc nghiền than Anthracite. Máy nghiền đứng có thể cho ra bột than Anthracite với độ mịn rất cao với điều kiện tốc độ quay của bàn nghiền phải được điều chỉnh theo các yêu cầu vận hành. Được trang bị một bộ truyền động có khả năng thay đổi tốc độ, máy nghiền đứng đã được thiết kế phục vụ việc nghiền các loại than Anthracite khác nhau một cách tối ưu.

Máy nghiền đứng của Polysius tích hợp các thao tác nghiền, sấy khô và phân ly nguyên liệu trong cùng một thiết bị và nhờ đó có mức độ tiêu thụ năng lượng thấp hơn đáng kể so với máy nghiền bi. Khái niệm mài mòn được chứng minh là một ưu thế khác của máy nghiền đứng, cũng như tính linh hoạt của chúng đối với việc thay đổi các thuộc tính của nguyên liệu tiếp cho máy nghiền. Polysius đã lắp đặt trên 300 xưởng nghiền than trên khắp thế giới, trong đó có hơn 130 xưởng sử dụng máy nghiền đứng. Công đoạn nghiền trong máy nghiền đứng như sau: nguyên liệu Anthracite được xả ở tốc độ được kiểm soát từ thùng chứa thông qua bộ tiếp liệu bàn, được đưa vào máy nghiền đứng qua một van quay tiếp liệu thô. Van tiếp liệu thô đóng vai trò như một nút không khí, bởi có áp suất âm bên trong máy nghiền đứng vì các lý do quy trình - công nghệ. Khí nóng để sấy khô và được chuyển tới bộ lọc bụi túi, bộ lọc bụi túi sẽ tách than mịn khỏi dòng khí, than mịn sau đó được chứa trong silo cho đến khi được tiếp cho lò với lưu lượng được điều chỉnh. (Hình 1)

Quy trình nghiền, sấy khô và phân tách diễn ra bên trong máy nghiền đứng: Than Anthracite thô được dẫn từ van tiếp liệu thô qua một máng tới tâm bàn nghiền, bàn nghiền được quay bởi

một hộp số được bố trí bên dưới và được dẫn động bởi một bộ truyền động điện. Nhờ chuyển động quay của bàn nghiền và lực ly tâm tác động lên nguyên liệu, nguyên liệu sẽ được dịch chuyển về phía mép bàn nghiền. Máy nghiền đứng của Polysius được cung cấp một đường nghiền hai rãnh. Hai cặp con lăn kép được bố trí trong đường dẫn có rãnh và được truyền động bằng thủy lực tới rãnh nghiền thông qua thanh kéo. Trong khi nguyên liệu đang được chuyển từ tâm bàn nghiền với mép bàn, các trục lăn sẽ lăn qua lăn lại nguyên liệu nhiều lần. Nguyên liệu sẽ bị cán vỡ và nghiền nát. Áp suất nghiền tối ưu được đặt cụ thể và được kiểm soát qua hệ thống thủy lực. Một vòng phun được lắp bên cạnh mép bàn nghiền, khí nóng chạy theo chiều dọc ngang qua vòng phun này từ dưới lên trên. Khi nguyên liệu vụn đi tới mép và ra khỏi bàn, nguyên liệu sẽ được luồng khí gom lại và vận chuyển lên phía trên cùng với khí. Dòng khí nóng sau đó sẽ sấy khô nguyên liệu. Không lâu sau khi rời khỏi vòng phun, tốc độ khí được giảm đi để nguyên liệu thô được tách khỏi dòng khí và rơi trở lại bàn để được nghiền nhỏ hơn. Luồng khí mang các hạt mịn hơn tiếp tục di chuyển lên phía trên và được dẫn vào bộ phân ly đặt phía trên các cặp con lăn. Vỏ máy nghiền được thiết kế sao cho vận tốc của khí được tăng lên liên tục từ phía trên các trục lăn tới bộ phân ly và đủ cao để luôn đảm bảo công suất chở để nguyên liệu được tách. Độ mịn của sản phẩm được đặt tại bộ phân ly động, ví dụ với mức 5% sót sàng 0,09 mm đối với than Anthracite, sản phẩm đi qua bộ phân ly, các hạt thô hơn (hồi lưu) sẽ được gom và dẫn trở lại qua phễu tới tâm bàn nghiền để nghiền tiếp. Bộ phân ly đồng bao gồm một cánh dẫn có thể điều chỉnh, cánh dẫn này sẽ giúp tạo ra một dòng nguyên liệu đi vào một cách có kiểm soát trong buồng phân ly. Tại tâm của vòng cánh dẫn, một lồng chứa bộ phân ly được trang bị các thanh chắn sẽ quay sao cho chỉ các hạt có kích thước theo yêu cầu mới có thể lọt qua. Thao tác phân ly



Hình 1. Máy nghiền đứng cho than - lưu trình điển hình

thực tế diễn ra tại khe hở giữa vòng cách dẫn và lồng đựng bộ phân ly. Kích thước cắt của bộ phân ly động có thể được cài đặt trong một khoảng rộng bằng cách điều chỉnh tốc độ quay của lồng chứa bộ phân ly.

#### Bảo vệ chống nổ trong máy nghiền đứng

Việc nghiền than luôn đi đôi với nguy cơ cháy nổ hay nổ do tai nạn, vì vậy quá trình vận hành phải tuân thủ nghiêm ngặt những quy định về an toàn. Nguy cơ nổ chỉ xảy ra nếu những điều kiện tiên quyết không được tôn trọng, ví dụ như để xảy ra cháy và để tồn tại một lượng oxy và bụi nhất định. Về cơ bản, điều này có nghĩa là ngăn chặn sự hình thành của bụi bám trong hệ thống bằng cách sử dụng các biện pháp mang tính cấu trúc cũng như việc làm sạch thường xuyên và tuân thủ các điều kiện về nhiệt độ và thành phần của môi trường khí nóng. Nguy cơ nổ gia tăng cùng với sự gia tăng hàm lượng chất bốc của than, do than Anthracite rất nghèo chất bốc, nguy cơ nổ là

không có khả năng xảy ra, do vậy các yêu cầu về nhiệt độ và môi trường khí nóng không quá nghiêm ngặt và rất dễ đáp ứng.

Máy nghiền đứng của Polysius bảo vệ chống nổ bị động thể hiện ở việc thiết kế bộ kháng quá áp cho máy nghiền đứng lên tới 8 bar, van tiếp liệu thô cũng được thao tác chống quá áp, van giảm áp chống nổ được cung cấp cho các tuyến dẫn khí đi đến cũng như xuất phát từ máy nghiền và cho bộ lọc, chúng đảm bảo rằng bất cứ vụ nổ nào cũng sẽ được dẫn hướng ra môi trường một cách có kiểm soát mà không gây thương tích cho người. Nếu phát hiện lửa trong máy nghiền, máy sẽ ngay lập tức được xả CO<sub>2</sub> để dập lửa.

#### Vấn đề bảo vệ mài mòn cho quá trình nghiền than Anthracite

Kinh nghiệm vận hành cho thấy mức độ mài mòn của một xưởng nghiền than phụ thuộc ở mức độ nhất định vào hàm lượng tro trong than, hàm lượng tro càng cao sẽ dẫn tới sự gia tăng

mức độ hao mòn. Sự xuất hiện của tình trạng mài mòn rõ ràng là do Anthracite, và các biện pháp bảo vệ chống mài mòn chỉ có tác dụng giảm tốc độ mài mòn và kéo dài khoảng thời gian đến khi tiến hành bảo dưỡng. Tuổi thọ của phụ tùng phụ thuộc vào chất lượng của chúng, các phụ tùng chất lượng cao và việc bảo dưỡng thường xuyên là những yêu cầu cơ bản để đảm bảo hiệu suất cao cũng như khả năng sẵn sàng hoạt động của các trạm nghiền.

Trong những năm gần đây, Polysius đã bán được 5 máy nghiền đứng phục vụ việc nghiền than Anthracite tại Việt Nam, trong đó máy nghiền tại Nhà máy xi măng Sông Gianh và các máy nghiền được Cty xi măng Thăng Long và Cty xi măng Hà Tiên 2 đều đang hoạt động tốt.

*Nguồn: [www.polysius.com](http://www.polysius.com)*

**ND: Quỳnh Anh**

## **Trung Quốc tăng cường hoàn thiện cơ chế, đẩy mạnh công nghiệp hóa nhà ở**

Trọng tâm của công tác công nghiệp hóa nhà ở của Trung Quốc là tiêu chuẩn hóa thiết kế công trình, công xưởng hóa sản xuất cấu kiện, chuyên nghiệp hóa lưu thông vật tư, cơ giới hóa thi công tại hiện trường. Đẩy mạnh công nghiệp hóa nhà ở có lợi cho việc tiết kiệm năng lượng, giảm phế thải, thi công an toàn, nâng cao chất lượng công trình, cải thiện môi trường sống, thúc đẩy điều chỉnh cơ cấu các ngành sản xuất.... Từ các thập niên 70, 80 của thế kỷ XX, thành phố Bắc Kinh đã nghiên cứu và áp dụng thí điểm hệ thống kết cấu lắp ghép trong xây dựng nhà ở, cho đến nay đã tích lũy được một số kinh nghiệm nhất định.

Nhằm đẩy mạnh công nghiệp hóa nhà ở, thành phố Bắc Kinh đã ban hành văn bản “Một số ý kiến chỉ đạo nhằm đẩy mạnh công nghiệp hóa nhà ở thành phố Bắc Kinh” và “Biện pháp ưu đãi tạm thời như khuyến khích về diện tích nhà ở công nghiệp hóa...”, xác định rõ nguyên tắc, nhiệm vụ mục tiêu và biện pháp chính sách chỉ đạo đẩy mạnh công nghiệp hóa nhà ở. Mục tiêu đẩy mạnh công nghiệp hóa nhà ở của thành phố Bắc Kinh đã đề ra: trong thời gian thí điểm ba năm từ 2009 đến 2011 diện tích công trình trong danh mục thí điểm lần lượt là 100.000 m<sup>2</sup>, 500.000 m<sup>2</sup> và 1 triệu m<sup>2</sup>, bắt đầu từ những cấu kiện chế tạo sẵn đã quen thuộc và phù hợp, vận dụng tổng hợp các cấu kiện chế tạo sẵn như

tường bao, cầu thang..., lắp ghép một lần. Trong các năm 2012 – 2013 sẽ mở rộng công nghiệp hóa nhà ở, nâng tỷ lệ diện tích xây dựng nhà ở công nghiệp hóa lên 7% và 10%.

Để đạt được mục tiêu trên, thành phố Bắc Kinh đã xây dựng những nguyên tắc cơ bản “chính quyền dẫn dắt, thị trường chủ đạo; lấy con người làm gốc, nâng cao chất lượng sản phẩm; áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, nâng cấp ngành sản xuất”. Theo nguyên tắc này, ủy ban xây dựng nhà ở thành thị và nông thôn của thành phố cùng các ngành hữu quan sẽ triển khai kế hoạch hành động công nghiệp hóa nhà ở “đề ra chính sách đồng bộ, hoàn thiện các tiêu chuẩn, thành lập liên minh các ngành sản xuất, xây dựng cơ chế tổ chức điều tiết”.

### **I. Đề ra chính sách, xây dựng cơ chế khuyến khích và chỉ đạo công nghiệp hóa nhà ở**

#### **1. Hỗ trợ về cung ứng và giao dịch đất đai**

Căn cứ vào mục tiêu và kế hoạch công nghiệp hóa nhà ở, các ngành tài nguyên môi trường, cải cách và phát triển, tài chính, xây dựng nhà ở thành thị và nông thôn... bố trí một số lượng nhất định đất xây dựng trong kế hoạch cung ứng đất hàng năm để xây dựng nhà ở công nghiệp hóa. Đối với loại hạng mục này, văn kiện chuyển nhượng đất xác định rõ yêu cầu công nghiệp hóa. Đối với hạng mục nhà ở

chính sách và nhà ở thương phẩm có được đất thông qua các phương thức gọi thầu, bán đấu giá, chuyển nhượng, trong quá trình xác định giá chuyển nhượng đất, đối với các đơn vị đấu thầu hoặc mua đất, chính quyền địa phương sẽ có yêu cầu về nhân tố giá thành và ứng dụng kỹ thuật đồng bộ công nghiệp hóa.

## **2. Thực hiện chính sách khuyến khích diện tích**

Khuyến khích các đơn vị xây dựng nhà ở thương phẩm áp dụng phương thức xây dựng công nghiệp hóa. Sau khi được thẩm tra phê chuẩn, chính quyền thực hiện chính sách khuyến khích diện tích, tức là dưới tiền đề đạt tiêu chuẩn kỹ thuật và phù hợp các pháp quy chính sách hữu quan, dựa vào cơ sở diện tích công trình xây dựng của quy hoạch cũ, khuyến khích một diện tích công trình nhất định thực hiện phương thức công nghiệp hóa. Tổng diện tích được khuyến khích của hạng mục không quá 3% tổng diện tích công trình xây dựng của các quy hoạch đơn lẻ thực hiện công nghiệp hóa. Phần diện tích công trình xây dựng khuyến khích đó được miễn thu tiền đất.

## **3. Triển khai thí điểm công nghiệp hóa đối với nhà ở chính sách**

Kế hoạch năm 2010, thành phố Bắc Kinh sẽ thí điểm công nghiệp hóa các dự án nhà ở chính sách có diện tích công trình xây dựng từ 50.000 m<sup>2</sup> trở lên. Đối với các dự án nhà ở chính sách được đưa vào thí điểm công nghiệp hóa, ngành chủ quản hữu quan sẽ quan tâm tới nhân tố kỹ thuật đồng bộ, xác định giá bán hoặc giá cho thuê tùy theo giá thành thực tế.

## **II. Hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, giúp đỡ về kỹ thuật nhằm đẩy mạnh công nghiệp hóa ngành nhà đất**

### **1. Phổ biến rộng rãi kỹ thuật tiên tiến**

- Hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn công nghiệp hóa. Trên cơ sở các công trình thử nghiệm và thí điểm, tiếp thu kinh nghiệm thành quả trong và ngoài nước, trong thời gian 3 năm hình thành hệ thống tiêu chuẩn địa phương về

nhà ở công nghiệp hóa, bao gồm các tiêu chuẩn kỹ thuật như thiết kế, sản xuất cấu kiện, thi công, lưu thông vật tư, nghiệm thu...

- Thực hiện rộng rãi phương thức lắp ráp một lần. Bao gồm: thực hiện phương thức lắp ráp một lần đối với hạng mục công trình nhà ở công nghiệp hóa; đề xướng nhất thể hóa thiết kế, thi công và lắp ráp, hoàn thành thiết kế lắp ráp bên trong ở giai đoạn thiết kế kết cấu chủ thể; đề xướng áp dụng hệ thống tách rời SI, tức là hệ thống tách rời lắp ráp bên trong và kết cấu chủ thể.

- Mở rộng ứng dụng hệ thống 4 kết cấu nhà ở công nghiệp hóa, bao gồm kết cấu bê tông cốt thép kiểu lắp ráp, kết cấu thép, kết cấu thép nhẹ và hệ thống kết cấu khác phù hợp với tiêu chuẩn nhà ở công nghiệp hóa.

- Mở rộng ứng dụng 6 loại cấu kiện chế tạo sẵn. Yêu cầu cơ bản đối với cấu kiện công trình xây dựng là phù hợp với thiết kế tiêu chuẩn hóa, điều kiện gia công của nhà máy và điều kiện lắp ráp của hiện trường

- Tăng cường thiết kế, thẩm tra nhà ở công nghiệp hóa, quản lý cấu kiện chế tạo sẵn. Ban chuyên gia công nghiệp hóa nhà ở tiến hành luận chứng và đưa ra ý kiến luận chứng đối với hạng mục công trình nhà ở công nghiệp hóa và tính an toàn của hệ thống kết cấu vượt ra khỏi tiêu chuẩn quy phạm hiện hành.

## **2. Tăng cường nghiên cứu và phát triển khoa học kỹ thuật**

Thúc đẩy các cơ quan nghiên cứu, các trường đại học và doanh nghiệp hình thành một liên minh kỹ thuật công nghiệp hóa xây dựng nhà ở, coi việc nghiên cứu kỹ thuật công nghiệp hóa xây dựng nhà ở là phương hướng nghiên cứu trọng điểm của khoa học kỹ thuật, chú trọng triển khai nghiên cứu ba mặt sau:

- Nghiên cứu hệ thống kết cấu công trình xây dựng phù hợp với yêu cầu chịu được động đất với cường độ 8 độ richte và tiết kiệm trên 65% năng lượng, nghiên cứu tiêu chuẩn hóa thiết kế, số hóa khuôn cấu kiện; nghiên cứu



công nghệ thiết kế, sản xuất cấu kiện kiểu mới; phát triển hạ tầng thông tin và nghiên cứu thiết bị máy móc...

- Tiêu chuẩn và quy phạm kỹ thuật hữu quan với nhà ở công nghiệp hóa, bao gồm bản vẽ thiết kế điển hình nhà ở, tiêu chuẩn sản xuất, thi công và nghiệm thu, chế độ và quy trình xác định tính năng cấu kiện, nhà ở...

- Học tập kỹ thuật và tiêu chuẩn tiên tiến của nước ngoài, chuyển đổi chúng và sáng tạo thêm, bao gồm kỹ thuật chống động đất, hệ thống kết cấu khung dự ứng lực chế tạo sẵn...

### **3. Tăng cường giáo dục kỹ thuật và tuyên truyền phổ biến khoa học kỹ thuật**

- Tăng cường bồi dưỡng nhân tài doanh nghiệp, thúc đẩy doanh nghiệp nhà ở hợp tác với các cơ quan giáo dục hữu quan, tổ chức bồi dưỡng nhân viên kỹ thuật.

- Bồi dưỡng huấn luyện ngành nghề cho các nhân viên kỹ thuật thông qua những công trình thí điểm làm mẫu. Năm 2010 mời chuyên gia quản lý thiết kế thi công giàu kinh nghiệm bồi dưỡng huấn luyện cho 500 công nhân kỹ thuật.

- Tăng cường bồi dưỡng huấn luyện nhân viên quản lý của các doanh nghiệp phát triển nhà đất, thiết kế, thi công và sản xuất cấu kiện. Thông qua bồi dưỡng huấn luyện, nâng cao năng lực cơ bản của đội ngũ quản lý, kỹ thuật và thi công, tập trung nhân lực chuyên nghiệp cho đẩy mạnh công nghiệp hóa nhà ở.

- Tăng cường tuyên truyền phổ biến khoa học kỹ thuật. Cần thông qua nhiều hình thức, triển khai tuyên truyền đối với doanh nghiệp phát triển nhà đất, đơn vị thi công, doanh nghiệp sản xuất và người tiêu dùng, nâng cao nhận thức của xã hội về công tác công nghiệp hóa nhà ở, tạo môi trường xã hội thuận lợi cho việc đẩy mạnh công nghiệp hóa nhà ở.

### **III. Liên kết các ngành sản xuất hữu quan, bồi dưỡng chủ thể công nghiệp hóa nhà ở**

#### **1. Điều chỉnh nguồn tài nguyên của ngành, hình thành một liên minh**

Liên minh các ngành sản xuất hữu quan với

công tác công nghiệp hóa nhà ở thông qua “bốn mảng lớn” phát triển nhà đất, sản xuất cấu kiện nhà ở, thi công xây dựng, khoa học kỹ thuật và dịch vụ kỹ thuật để thực hiện nâng cấp toàn diện cơ cấu các ngành sản xuất. Các đơn vị hội viên thuộc “bốn mảng lớn” này liên kết với nhau, thúc đẩy lẫn nhau, điều tiết lẫn nhau, hình thành một mối liên kết hoàn chỉnh, bao trùm lên các ngành sản xuất liên quan với nhà ở như lưu thông tiền vốn xây dựng nhà ở, sản xuất cấu kiện, vận chuyển, thi công xây dựng, trang trí, tiết kiệm năng lượng và kiểm định cấu kiện, tiêu thụ nhà đất và quản lý nhà đất..., thực hiện mô hình thống nhất sản xuất và quản trị kinh doanh.

Hiện nay, dưới sự thúc đẩy của các ngành hữu quan, một số doanh nghiệp phát triển nhà đất, doanh nghiệp tổng thầu, doanh nghiệp sản xuất cấu kiện, doanh nghiệp thiết kế và các cơ quan nghiên cứu hữu quan đã hình thành liên minh công nghiệp hóa ngành nhà ở thành phố Bắc Kinh.

#### **2. Điều chỉnh bố cục ngành, bồi dưỡng tập đoàn công nghiệp nhà ở**

- Giúp đỡ các doanh nghiệp sản xuất cấu kiện đúc sẵn, khiến cho năng lực sản xuất của họ đáp ứng được nhu cầu xây dựng nhà ở công nghiệp hóa. Khuyến khích các nhà máy sản xuất cấu kiện đúc sẵn có quy mô lớn, năng lực kỹ thuật mạnh điều chỉnh cơ cấu sản phẩm, đổi mới dây chuyền sản xuất; giúp các doanh nghiệp lớn sản xuất bê tông thương phẩm chuyển đổi thành doanh nghiệp sản xuất cấu kiện đúc sẵn; giúp các doanh nghiệp lớn có liên quan với công trình xây dựng đầu tư sản xuất cấu kiện đúc sẵn.

- Khuyến khích các doanh nghiệp vật liệu xây dựng chuyển đổi mô hình thành doanh nghiệp sản xuất cấu kiện với đặc điểm là công nghiệp hóa xây dựng nhà ở, hình thành các doanh nghiệp nòng cốt quy mô lớn.

- Khuyến khích các doanh nghiệp phát triển nhà đất, thiết kế, sản xuất cấu kiện, thi công,

lưu thông vật tư liên kết với đơn vị nghiên cứu khoa học, tạo nên tập đoàn doanh nghiệp lớn có thực lực hùng hậu, uy tín tốt, ưu thế các thành viên bổ sung cho nhau, cố gắng bồi dưỡng từ 4 - 5 liên minh hoặc tập đoàn công nghiệp nhà ở trước năm 2015.

### **3. Tăng cường giao lưu hợp tác trong và ngoài nước, thu hút kỹ thuật và kinh nghiệm tiên tiến**

Công nghiệp hóa xây dựng nhà ở đã thịnh hành ở các nước và khu vực phát triển từ sáu bảy mươi năm nay. Tháp Song Tử Tôkyô cao nhất Nhật Bản được xây dựng theo mô hình công nghiệp hóa, cao tới 58 tầng. Tòa nhà Quý Dũng ở Hồng Kông cao 41 tầng, tỷ lệ cấu kiện bê tông đúc sẵn đạt 60%. Thành phố Bắc Kinh sẽ tăng cường triển khai giao lưu hợp tác với các doanh nghiệp mạnh, các đơn vị nghiên cứu trong và ngoài nước, triệt để thu hút kỹ thuật và kinh nghiệm quản lý tiên tiến của họ, bồi dưỡng lực lượng phát triển nhà đất, thiết kế, sản xuất và thi công theo mô hình công nghiệp hóa xây dựng nhà ở, nhanh chóng đẩy mạnh công nghiệp hóa xây dựng nhà ở.

### **IV. Thiết lập bộ máy tổ chức chuyên môn, hình thành cơ chế điều tiết và đẩy mạnh công nghiệp hóa xây dựng nhà ở**

#### **1. Hình thành chế độ Hội nghị liên tịch công tác công nghiệp hóa xây dựng nhà ở**

Các đơn vị thành viên Hội nghị liên tịch bao gồm Ủy ban xây dựng thành thị và nông thôn, Ủy ban quy hoạch, Ủy ban cải cách và phát triển, Ủy ban tài nguyên và môi trường, Ủy ban khoa học kỹ thuật, Ủy ban thông tin hóa kinh tế,

Cục giám sát chất lượng, Cục Tài chính. Hội nghị liên tịch chịu trách nhiệm nghiên cứu đề ra chính sách, mục tiêu phát triển và quy hoạch tổng thể, kiểm tra chất lượng phát triển công nghiệp hóa xây dựng nhà ở, xây dựng cơ chế liên kết, quy hoạch thống nhất và chỉ đạo điều tiết đẩy mạnh công tác công nghiệp hóa nhà ở.

#### **2. Thành lập Ủy ban chuyên gia công nghiệp hóa xây dựng nhà ở của thành phố**

Ủy ban xây dựng nhà ở thành thị và nông thôn cùng các ngành hữu quan khác như tài nguyên và môi trường, cải cách và phát triển, tài chính... thành lập Ủy ban chuyên gia công nghiệp hóa xây dựng nhà ở; ủy viên Ủy ban này là chuyên gia thuộc các lĩnh vực như quy hoạch, xây dựng, thiết kế, thi công, kiểm tra chất lượng, sản xuất vật liệu xây dựng.... Triệt để lợi dụng tiềm lực thực hiện công nghiệp hóa xây dựng và ưu thế nhân tài, Ủy ban chuyên gia hợp tác với các viện nghiên cứu, trường Đại học, cơ quan thiết kế hữu quan..., chịu trách nhiệm công tác chỉ đạo phục vụ kỹ thuật liên quan tới công nghiệp hóa xây dựng nhà ở như luận chứng thiết kế công trình xây dựng nhà ở, kỹ thuật mới, công nghệ mới, đánh giá hạng mục đề nghị công nghiệp hóa xây dựng nhà ở, nhận định cấu kiện, nhận định tính năng nhà ở, đề ra các tiêu chuẩn hữu quan...

**Tùy Chấn Giang**

*Nguồn: T/C "Xây dựng đô thị và nông thôn"*

*TQ số 5/2010*

**ND: Hoàng Thế Vinh**

## **Tin Xây dựng quốc tế qua mạng Internet**

### **Sự căng do nhiệt và co khô của các kết cấu bê tông đổ tại chỗ**

*Tác giả: Seongcheon Choi và Moon C. Won  
Tạp chí Vật liệu Xây dựng, số 107, tháng 9/2010 - Hiệp hội Bê tông Mỹ (ACI)*

### **Tóm tắt:**

Khi đổ các kết cấu bê tông tại chỗ, có thể xuất hiện những thay đổi đáng kể về nhiệt độ và độ ẩm. Để dự báo ứng suất và các nguy cơ nứt do co khô hoặc do nhiệt thì việc tính trước sự

căng do nhiệt và co khô không liên quan đến ứng suất là rất cần thiết. Trong công trình nghiên cứu của mình, các tác giả đã đề xuất một phương pháp cho phép đo trực tiếp sức căng do nhiệt và sự co khô của kết cấu bê tông. Theo đó, các tác giả thiết kế một mẫu trụ bê tông không chịu ứng suất, đặt trong mẫu một thiết bị đo lực căng để đo lực căng do nhiệt thực tế và co khô của kết cấu bê tông. Phương pháp thí nghiệm này được sử dụng trong phòng thí nghiệm và ngoài hiện trường. Qua kết quả thí nghiệm, phương pháp do các tác giả đề xuất có thể được sử dụng hiệu quả trong thí nghiệm hiện trường và cho phép đánh giá ứng xử của kết cấu bê tông theo thời gian, bao gồm cả các nguy cơ nứt.

<http://www.concrete.org>

### **Tính chính xác của thí nghiệm thử cường độ bê tông bằng phương pháp nén đối với các mẫu trụ có kích thước khác nhau**

*Tác giả: Hosein Taghaddos, Hamid R. Soleymani*

*Tạp chí Vật liệu Xây dựng, số 107, tháng 9/2010 - Hiệp hội Bê tông Mỹ (ACI)*

#### **Tóm tắt:**

Hầu hết các cơ quan tiêu chuẩn hóa cho phép sử dụng mẫu trụ kích thước nhỏ (100x200mm) để thử nén bê tông. Tuy nhiên có nhiều kỹ sư không tin tưởng vào các mẫu trụ có kích thước nhỏ vì họ cho rằng kết quả thử nén bê tông đối với các mẫu đó có sự biến thiên lớn. Cho đến nay có rất ít công trình nghiên cứu về tính chính xác của kết quả thí nghiệm nén đối với các mẫu trụ cỡ nhỏ so sánh với thí nghiệm với mẫu trụ truyền thống (150x300mm). Trong bài viết này, các tác giả đã đưa ra kết quả thí

th nghiệm thử nén bê tông được tiến hành tại 15 phòng thí nghiệm ở Edmonton (Canada) trong hơn 10 năm qua. Công trình nghiên cứu này nhằm thiết lập các chỉ số chính xác trong phòng và liên phòng đối với các mẫu trụ cỡ nhỏ và mẫu trụ truyền thống thông qua việc phân tích hơn 2.700 dữ liệu thử nén bê tông trong dải cường độ nén từ 17-57MPa.

<http://www.concrete.org>

### **Ảnh hưởng của cốt liệu đến các đặc tính cơ học của bê tông có bột hoạt tính**

*Tác giả: Serdar Aydın, Halit Yazici, Mert Yuçel Yardımcı*

*Tạp chí Vật liệu Xây dựng, số 107, tháng 9/2010 - Hiệp hội Bê tông Mỹ (ACI)*

#### **Tóm tắt:**

Bài viết này giới thiệu một công trình nghiên cứu thực nghiệm về các đặc tính cơ học của bê tông có bột hoạt tính (RPC) sử dụng các cốt liệu khác nhau như đá vôi, bazan, thạch anh, bauxit, granit... Những ảnh hưởng của loại cốt liệu đối với đặc tính cơ học của bê tông được khảo sát trong điều kiện tiêu chuẩn, môi trường và dưỡng hộ hơi nước áp suất cao. Các kết quả cho thấy, cường độ chịu nén của bê tông có thể đạt cao ngay cả đối với trường hợp sử dụng cốt liệu có cường độ thấp hoặc có bề mặt nhẵn; tuy nhiên khả năng chịu uốn cao đòi hỏi cốt liệu phải có cường độ cao và bề mặt xù xì. Việc dưỡng hộ hơi nước áp suất cao và dưỡng hộ trong điều kiện môi trường có thể làm tăng đáng kể cường độ chịu nén của bê tông, tuy nhiên lại không có ảnh hưởng nhiều đến việc làm tăng tính chịu uốn cho bê tông.

<http://www.concrete.org>

**Biên tập tin: Quỳnh Anh**

## LỄ KHỞI CÔNG DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NHÀ MÁY GẠCH CLINKER VIGLACERA

Ngày 8/10 tại xã Kim Sơn, huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh, Tổng Công ty Thủy tinh và Gốm Xây dựng (Viglacera) và Công ty cổ phần gạch clinker Viglacera đã tổ chức Lễ khởi công dự án đầu tư xây dựng nhà máy gạch clinker Viglacera - nhà máy đầu tiên của Việt Nam sản xuất các sản phẩm gạch ngói clinker cao cấp nhất của dòng sản phẩm gạch ngói đất sét nung.

Tham dự Lễ khởi công có Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Trần Nam, Chủ tịch Công đoàn Xây dựng Việt Nam Nguyễn Văn Bình, Phó Bí thư tỉnh ủy Quảng Ninh Nguyễn Đức Long và các đại biểu đại diện lãnh đạo tỉnh, các sở, ban ngành tỉnh Quảng Ninh, đại diện lãnh đạo Tập đoàn Phát triển nhà và đô thị, lãnh đạo TCty Viglacera và các đơn vị thành viên, các đơn vị tham gia dự án.

Phát biểu tại Lễ khởi công, ông Nguyễn Thanh Hải - Tổng giám đốc Cty Cổ phần gạch clinker Viglacera kiêm Giám đốc dự án cho biết, xuất phát từ định hướng của lãnh đạo TCty Viglacera là chỉ sử dụng nguồn tài nguyên sét để sản xuất các loại sản phẩm cao cấp, có giá trị gia tăng cao như ngói, gạch cotto và cao hơn nữa, dự án đầu tư nhà máy gạch clinker Viglacera là điểm khởi đầu cho sự ra đời của một dòng sản phẩm vật liệu xây dựng cao cấp, chất lượng tốt, đáp ứng nhu cầu của thị trường xây dựng hiện nay và trong tương lai.

Với sự thống nhất cao của TCty Viglacera cùng Cty CP Viglacera Hạ Long và 08 đơn vị sản xuất sản phẩm đất sét nung trong TCty, Công ty CP gạch Clinker Viglacera đã ra đời ngày 25/6/2010 thể hiện sự mạnh dạn đột phá, đi tiên phong trong công nghệ. Công ty – Ban quản lý dự án đã làm việc cật lực suốt 8 tháng để tìm hiểu, nghiên cứu, tham khảo các dây chuyền công nghệ hiện đại nhất của các nước



*Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Trần Nam phát lệnh khởi công dự án*

châu Âu, châu Á, thiết kế hàng chục mô hình công nghệ với nhiều phương án thiết bị... Ban quản lý dự án đã trình HĐQT, các cổ đông sáng lập Dự án đầu tư Nhà máy gạch Clinker Viglacera với sự lựa chọn theo chuẩn cao nhất về công nghệ, thiết bị, sử dụng tiết kiệm nhiên liệu, năng lượng và đảm bảo môi trường, đó là thiết bị nghiền đúng Molomax lần đầu tiên được sử dụng trong nhà máy sản xuất sản phẩm đất sét nung tại Việt Nam; đó là hệ thống tạo hình, xếp dỡ tự động, sấy đảo kiểu tiên tiến nhất của CHLB Đức hiện nay; đó là lò nung tuynel trần phẳng, rộng 6,8m – là lò nung tuynel rộng lòng nhất tại Việt Nam...

Nhà máy có công suất thiết kế 2 triệu m<sup>2</sup> sản phẩm /năm, được xây dựng trên diện tích gần 15 ha, vốn đầu tư khoảng 400 tỷ đồng. Nhà máy sẽ được trang bị các máy móc, thiết bị công nghệ tiên tiến của các nước châu Âu.

Dự kiến sau 1 năm thi công xây dựng, nhà máy sẽ cho ra đời những sản phẩm đầu tiên gồm các loại gạch clinker và ngói lợp clinker cao cấp có men và không men. Các sản phẩm gạch, ngói clinker Viglacera được nung chậm ở nhiệt độ cao nên có nhiều tính năng đặc biệt như độ hút nước thấp (dưới 3%), không rêu mốc, chống trơn, trượt, độ giãn nở thấp, trơ với





Ông Nguyễn Thanh Hải - Tổng Giám đốc Công ty cổ phần gạch Clinker Viglacera báo cáo tóm tắt về dự án

các điều kiện môi trường và luôn giữ được mẫu sắc tự nhiên bền vững với thời gian.

Phát biểu tại Lễ khởi công, Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Trần Nam đã bày tỏ sự tin tưởng, với kinh nghiệm quản lý và tinh thần tiên phong, sáng tạo vượt khó của đội ngũ lãnh đạo, cán bộ, công nhân viên TCty Viglacera, dự án này sẽ được hoàn thành đúng tiến độ, cho ra đời những sản phẩm có tính năng nổi trội và nhanh chóng chiếm lĩnh được thị trường trong nước và xuất khẩu. Thay mặt lãnh đạo Bộ Xây dựng, Thứ trưởng Nguyễn Trần đã cảm ơn sự ủng hộ và giúp đỡ của lãnh đạo và nhân dân tỉnh Quảng Ninh, huyện Đông Triều đối với các doanh nghiệp của ngành Xây dựng nói chung và của TCty Viglacera nói riêng đang làm ăn có hiệu quả trên địa bàn của tỉnh. Thứ trưởng cũng chỉ đạo chủ đầu tư phải tiến hành đầy đủ trình tự, thủ tục luật định về đầu tư xây dựng cơ bản, quản lý, giám sát chặt chẽ để đảm bảo kế hoạch tiến độ và chất lượng công trình. Bên cạnh đó, cần nhanh chóng thực hiện các công việc đào tạo cán bộ, công nhân vận hành, để khi nhà máy đi vào hoạt động có thể phát huy được hết công suất, mang lại hiệu quả kinh tế ngay từ giai đoạn đầu sản xuất.

Sản phẩm gạch, ngói nung công nghệ Clinker được sử dụng tại nhiều nước phát triển: châu Âu, Bắc Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Australia... Tuy nhiên, tại Việt Nam cũng như



Toàn cảnh Lễ khởi công dự án

các nước Đông Nam Á, đây vẫn là vật liệu rất mới mẻ do tính phức tạp của công nghệ.

Gạch ốp lát và ngói lợp Clinker VIGLACERA có các tính năng vượt trội như:

- Độ bền vững cao bởi sản phẩm được nung ở chế độ nhiệt cao nên bảo đảm sự “kết khối” hoàn toàn trong sản phẩm. Sau nung độ hút nước của sản phẩm chỉ từ 0 đến dưới 3% (trong khi gạch ốp lát và ngói lợp hiện nay trên thị trường có độ hút nước từ trên 5% đến 14%) nên không bao giờ bị rêu mốc, chống được trơn trượt.

- Chịu được mọi môi trường cực kỳ khắc nghiệt như môi trường a xít, muối, sốc nhiệt; có độ giãn nở cực thấp nên không bị bong tróc khỏi bề mặt sàn, tường ...

- Chịu được lực uốn lớn hơn bất kỳ mọi loại gạch thông thường, sản phẩm có độ dày cũng phải dày hơn theo từng chủng loại kích cỡ.

- Giữ màu sắc tự nhiên, không bị mất màu, mất chất.

- Chống trơn trượt do sản phẩm nhẵn hơn trong khi bề mặt vẫn không bị rạn, ngấm bẩn do đã được thủy tinh hóa tốt hơn và cũng giúp sản phẩm dễ lau chùi, làm sạch mà không cần dùng hóa chất.

Với việc đầu tư xây dựng Nhà máy gạch Clinker Viglacera, TCty Viglacera một lần nữa khẳng định vai trò tiên phong trong việc phát triển các loại VLXD mới tại Việt Nam, góp phần định hướng tiêu dùng của thị trường xây dựng hiện tại và tương lai.

Minh Tuấn



## **Tập đoàn Sông Đà nhận bàn giao chuyển quyền và nghĩa vụ đại diện chủ sở hữu phần vốn nhà nước tại 4 tổng công ty thành viên**

Ngày 28/9, tại Trụ sở Tập đoàn CNXD Việt Nam - Hà Nội, Hội đồng Quản trị Công ty mẹ - Tập đoàn Sông Đà đã long trọng tổ chức Lễ bàn giao chuyển quyền và nghĩa vụ đại diện chủ sở hữu phần vốn nhà nước tại 4 Tổng công ty thành viên gồm Tổng công ty Lắp máy Việt Nam (Lilama), Tổng công ty Xây dựng và phát triển hạ tầng (Licogi), Tổng công ty Cơ khí Xây dựng (Coma) và Tổng công ty CP Sông Hồng.

Cả bốn Tổng công ty đều là những thương hiệu mạnh trên các lĩnh vực xây dựng, lắp đặt thiết bị, sản xuất công nghiệp, chế tạo máy móc thiết bị, kinh doanh bất động sản, đầu tư tài chính với giá trị sản xuất kinh doanh năm 2009 đạt trên 28.000 tỷ đồng, lợi nhuận 230 tỷ đồng cùng tổng tài sản trị giá 25.000 tỷ đồng và đội ngũ cán bộ công nhân viên trên 51.000 người.

Tại lễ bàn giao, Thứ trưởng Bộ Xây dựng Trần Văn Sơn cho biết, trên thực tế Công ty mẹ - Tập đoàn Sông Đà đã điều hành và quản lý theo mô hình Tập đoàn kinh tế nhà nước từ khi được chọn làm thí điểm. Vì vậy, kể từ khi sáp nhập đến nay, dưới sự điều hành của Công ty mẹ tập đoàn, các đơn vị thành viên đã nhanh chóng đi vào nề nếp, hoạt động ổn định. Trong xu thế phát triển công nghiệp hóa - hiện đại hóa nhanh như hiện nay, hàng loạt các “siêu dự án” sẽ ra đời, đòi hỏi doanh nghiệp xây dựng phải đủ sức cạnh tranh. Do đó, cuộc hợp lực này đã đem lại cho Tập đoàn Sông Đà đầy đủ các yếu tố để trở thành tập đoàn kinh tế mạnh toàn diện cả về tiềm lực tài chính, kinh nghiệm chuyên ngành, năng lực và thương hiệu.

Chủ tịch HĐQT Tập đoàn CNXD Việt Nam Lê Văn Quế đã cảm ơn sự quan tâm chỉ đạo và ủng hộ của các cấp các ngành đã tạo điều kiện để Tập đoàn và các đơn vị thành viên hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu kinh tế xã hội được



*Thứ trưởng Bộ Xây dựng Trần Văn Sơn phát biểu tại buổi Lễ*

giao. Sự tham gia của các đơn vị thành viên đã làm tăng thêm sức mạnh tổng thể, khả năng cạnh tranh chiếm lĩnh thị phần của Tập đoàn CNXD Việt Nam trong và ngoài nước, đồng thời đánh dấu bước phát triển mới của các Tổng công ty, đưa vị thế của các Tổng công ty lên một tầm cao mới. Trong thời gian tới, Tập đoàn phấn đấu phát triển trở thành Tập đoàn kinh tế mạnh có quy mô lớn, đa sở hữu, đa ngành nghề với 6 mũi nhọn chính là Xây dựng, lắp đặt thiết bị, sản xuất công nghiệp, kinh doanh bất động sản, chế tạo máy móc thiết bị và đầu tư tài chính. Định hướng phát triển của Tập đoàn là không ngừng nâng cao năng lực cạnh tranh và hiệu quả, đồng thời góp phần thúc đẩy ngành công nghiệp xây dựng Việt Nam phát triển, phấn đấu đến năm 2015 trở thành Tập đoàn kinh tế mạnh trong khu vực với doanh thu là 111.000 tỷ VND tương đương 6 tỷ USD, tổng tài sản là 128.000 tỷ VND tương đương 7 tỷ USD. Đến năm 2020 doanh thu đạt 160.000 tỷ VND tương đương 9 tỷ USD và tổng tài sản là 200.000 tỷ VND tương đương 11 tỷ USD.

Phát biểu tại Lễ bàn giao, ông Nguyễn Quang Mẫn - Thành viên Hội đồng thành viên Tập đoàn CNXDVN, Chủ tịch HĐQT Tổng công



Chủ tịch Tập đoàn CNXD Việt Nam Lê Văn Quế phát biểu tại buổi Lễ

ty CP Sông Hồng đã thay mặt cho hơn 7.000 CBCNVLĐ của Tổng công ty cảm ơn sự quan tâm chỉ đạo và thực hiện khẩn trương Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Tập đoàn CNXD Việt Nam. Đối với Tổng công ty CP Sông Hồng, trong hơn 52 năm xây dựng và phát triển, Tổng công ty luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo của Chính phủ, Bộ Xây dựng và các cấp, các ngành, Tổng công ty đã không ngừng phát triển, đóng góp một phần vào công cuộc xây dựng đất nước. Đến nay là thành viên của Tập đoàn CNXDVN, Tổng công ty CP



Toàn cảnh Lễ bàn giao quyền và nghĩa vụ đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước của Tập đoàn Sông Đà

Sông Hồng mong muốn lãnh đạo Tập đoàn, các Tổng công ty, các đơn vị thành viên trong Tập đoàn luôn quan tâm ủng hộ Tổng công ty trong suốt quá trình hoạt động và sản xuất kinh doanh của mình. Tổng công ty CP Sông Hồng tiếp tục phấn đấu, cam kết bảo toàn và phát triển phần vốn nhà nước tại Tổng công ty, tiếp tục xây dựng Tập đoàn CNXDVN ngày càng phát triển trở thành Tập đoàn kinh tế mạnh trong khu vực và quốc tế.

*Tin từ Tổng Công ty Sông Hồng*

## **Công nhận Thị trấn Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa là đô thị loại IV**

Ngày 22/9/2010 Bộ Xây dựng đã ban hành Quyết định số 854/QĐ-BXD công nhận thị trấn Diên Khánh, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hoà là đô thị loại IV.

Thị trấn Diên Khánh là đô thị trung tâm chính trị, hành chính, kinh tế, văn hoá của huyện Diên Khánh, một trong những điểm du lịch văn hoá lịch sử của tỉnh Khánh Hoà, là cửa ngõ thương mại, đô thị phía Tây của thành phố Nha Trang; là trung tâm giao lưu và trung chuyển hàng hoá đi các khu vực trong huyện Diên Khánh và các huyện miền núi phía Tây của tỉnh và khu vực Tây Nguyên do có quốc lộ 1A đi qua, các tuyến đường Nha Trang - Diên Khánh - Đà Lạt, tỉnh lộ 8 và tỉnh lộ 2.

Thị trấn có vai trò quan trọng trong mối quan hệ vùng. Thị trấn nằm trên hành lang kinh tế Đông - Tây nối liền vùng Tây Nguyên và vùng duyên hải Nam Trung Bộ, nối với Nha Trang và Đà Lạt; trên hành lang Bắc Nam, nối chuỗi đô thị trong tỉnh, có quốc lộ 1A đi qua, là không gian trung chuyển giữa các tiểu vùng trong tỉnh.

Thị trấn được thành lập theo Quyết định số 100/QĐ-HĐBT ngày 30/9/1981 của Hội đồng bộ trưởng (nay là Chính phủ). Từ đó đến nay Thị trấn luôn là trung tâm động lực và dịch vụ quan trọng cho tiểu vùng phía Tây của tỉnh, được quan tâm đầu tư của các cấp chính quyền và nhân dân.

Trong những năm qua do được tập trung các nguồn lực đầu tư cho phát triển, việc phát triển kinh tế, xã hội và xây dựng đô thị của Thị trấn đã đạt được những thành tựu tích cực, đáp ứng được những yêu cầu cơ bản của đô thị loại IV, đem lại cho Thị trấn một diện mạo mới, tương xứng với một đô thị huyện lỵ của tỉnh. Kinh tế tăng trưởng ổn định nhiều năm liền, cơ cấu kinh tế chuyển dịch hợp lý, tỷ lệ hộ nghèo giảm, đời sống nhân dân được nâng cao, chất lượng cuộc sống đô thị được cải thiện. Hiện nay, Thị trấn đã có bước phát triển cơ bản và toàn diện. Tăng trưởng kinh tế trung bình năm 2009 đạt 15,7%; thu nhập bình quân đầu người 778 USD; cân đối thu chi ngân sách dư; tỷ lệ hộ nghèo: 1,2%; tăng trưởng dân số hàng năm 2%; tỷ lệ đô thị hoá năm 2009 bằng 100% so với tiêu chí; mật độ dân số đô thị đạt 9.500 người/km<sup>2</sup>; tỷ lệ lao động phi nông nghiệp: 97,2%;

Do được quan tâm đầu tư thích đáng nên việc phát triển hạ tầng đô thị đã đạt được những kết quả khả quan. Diện tích sàn nhà ở tính trung bình đạt 13,9 m<sup>2</sup>/người; tỷ lệ nhà kiên cố đạt 99,1%. Đất xây dựng công trình dịch vụ công cộng đô thị đạt 6,7 m<sup>2</sup>/người; đất dân dụng nội thị là 116 m<sup>2</sup>/người;

Các cơ sở y tế, giáo dục đào tạo, văn hoá, thể thao được đầu tư xây dựng đáp ứng yêu cầu của thị trấn và huyện. Trung tâm y tế Diên Khánh và trung tâm bà mẹ trẻ em có quy mô 157 giường, đạt trung bình 7,3 giường/1.000 dân, đảm bảo nhu cầu khám chữa bệnh cho nhân dân thị trấn và toàn huyện Diên Khánh.

Thị trấn có 02 cơ sở giáo dục dạy nghề là trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện và trường trung học dạy nghề Diên Khánh. Trên địa bàn thị trấn có Trung tâm văn hoá, trung tâm thanh thiếu nhi và thư viện huyện đáp ứng nhu cầu văn hoá của nhân dân. 03 công trình thể dục thể thao là sân vận động, nhà thi đấu và câu lạc bộ cầu lông đều đã được xây dựng đạt tiêu chuẩn.

Hệ thống hạ tầng kỹ thuật được đầu tư nâng cấp tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển đô thị và nâng cao đời sống nhân dân. Thị trấn là đầu mối giao thông tiểu vùng. Tỷ lệ đất giao thông/đất xây dựng đô thị: 13,8 %; diện tích đất giao thông/số dân: 17,8 m<sup>2</sup>/người; mật độ đường chính khu vực xây dựng nội thị là 6,73 km/km<sup>2</sup>. Tỷ lệ dân số được cấp nước sinh hoạt là 56%; tỷ lệ thất thoát nước: 15%; tỷ lệ đường phố chính được chiếu sáng: 90,5%; tỷ lệ ngõ hẻm được chiếu sáng: 70%; tỷ lệ chất thải rắn khu vực nội thị được thu gom: 80%, được xử lý: 80%. Đất cây xanh đô thị đạt 19,6 m<sup>2</sup>/người; đất cây xanh công cộng khu vực nội thị đạt 7,2 m<sup>2</sup>/người.

Được công nhận là đô thị loại IV, thị trấn Diên Khánh sẽ có cơ hội tiếp tục phát triển nhanh hơn và toàn diện hơn, phát huy tốt hơn các lợi thế và thực hiện tốt hơn vai trò của một trung tâm hành chính, chính trị, văn hoá, giáo dục, thương mại của huyện và tiểu vùng phía Tây của tỉnh Khánh Hoà.

**Huỳnh Phước**

## **Thị trấn Dĩ An mở rộng được công nhận đạt tiêu chuẩn đô thị loại IV**

Ngày 23/9/2010 Bộ Xây dựng đã có quyết định số 859/QĐ-BXD công nhận thị trấn Dĩ An mở rộng, tỉnh Bình Dương đạt tiêu chuẩn đô thị loại IV.

Huyện Dĩ An có diện tích 6.010 ha là một huyện của tỉnh Bình Dương (tỉnh nằm trong

vùng Đông Nam Bộ và Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam). Đây là khu vực có tỷ lệ đô thị hoá cao bao gồm thị trấn Dĩ An và 6 xã.

Thị trấn Dĩ An mở rộng được hình thành từ huyện Dĩ An với khu vực nội thị bao gồm thị trấn Dĩ An và 5 xã (Tân Đông Hiệp, Đông Hoà, An

Bình, Bình An, Bình Thắng) với tổng diện tích tự nhiên 4.974 ha, dân số 283.674 người và khu vực ngoại thị là xã Tân Bình với diện tích tự nhiên 1.036 ha, dân số 15.574 người.

Thị trấn là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội của tỉnh Bình Dương, là trung tâm phát triển kinh tế trọng điểm phía Nam của tỉnh, là đầu mối giao thông quan trọng giữa tỉnh và các thành phố Hồ Chí Minh, Biên Hoà. Thị trấn là đô thị thuộc tỉnh, trung tâm chuyên ngành cấp tỉnh, trung tâm tổng hợp cấp huyện. Quy hoạch xây dựng Vùng thành phố Hồ Chí Minh đã xác định Thị trấn là một trong các đô thị vệ tinh phụ thuộc của Vùng đô thị trung tâm thành phố Hồ Chí Minh trong phạm vi ảnh hưởng 30 km. Đây còn là khu vực tập trung phát triển khoa học và công nghệ cao, gắn kết chặt chẽ với không gian trung tâm thành phố Hồ Chí Minh.

Thị trấn là địa bàn thuận lợi cho phát triển công nghiệp, dịch vụ, thương mại, ngân hàng, giáo dục, đào tạo và các lĩnh vực phát triển đô thị. Đối với tiêu chí về vị trí và tính chất đô thị thì Thị trấn với vai trò là trung tâm cấp tỉnh đã hội tụ thêm yếu tố trung tâm cấp vùng.

Trong những năm qua do được tập trung các nguồn lực đầu tư cho phát triển, việc phát triển kinh tế, xã hội và xây dựng đô thị của Thị trấn đã đạt được những thành tựu tích cực, đáp ứng được những yêu cầu cơ bản của đô thị loại IV, đem lại cho Thị trấn một diện mạo mới, tương xứng với một đô thị trung tâm của tỉnh. Trong 3 năm gần đây tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân đạt 15,22%; tổng thu ngân sách trên địa bàn năm 2009 đạt 3.688 tỷ đồng; cân đối thu chi là cân đối dư; thu nhập bình quân đầu người: 1.954 USD/người/năm; tỷ lệ hộ nghèo là 1,7%; tỷ lệ đô thị hoá đạt 95,7%; mật độ dân số đô thị: 10.633 người/km<sup>2</sup>; tỷ lệ lao động phi nông nghiệp: 99,388%.

Các công trình công cộng và nhà ở được quan tâm đầu tư xây dựng từng bước đáp ứng

nhu cầu của người dân, nâng cao đời sống và góp phần thúc đẩy văn hoá, du lịch, dịch vụ phát triển. Tính đến năm 2009, tỷ lệ nhà kiên cố, bán kiên cố cho khu vực nội thị đạt 100%. Đất xây dựng công trình công cộng cấp khu ở đạt 2,2 m<sup>2</sup>/người; chỉ tiêu đất dân dụng: 87,16 m<sup>2</sup>/người; đất xây dựng công trình công cộng cấp đô thị bình quân đạt 5,4 m<sup>2</sup>/người; cơ sở y tế bình quân đạt 2 giường/1.000 dân.

Hạ tầng kỹ thuật được đặc biệt chú trọng và tập trung đầu tư xây dựng nhằm nâng cao khả năng vận chuyển của hệ thống giao thông, nâng cao năng lực cấp thoát nước, xử lý nước thải và rác thải, cấp điện, bưu chính viễn thông và công viên cây xanh. Tỷ lệ đất giao thông nội thị so với đất xây dựng nội thị đạt 14,69%; mật độ đường chính đô thị có chiều rộng chỉ giới trên 11,5 m là 6,99 km/km<sup>2</sup>; diện tích đất giao thông trên dân số nội thị là 13,89 m<sup>2</sup>/người. Tỷ lệ hộ sử dụng nước máy là 90,18% với tiêu chuẩn cấp nước 126 lít/người/ngày đêm; tỷ lệ thất thoát nước: 8,2%. Mật độ đường ống thoát nước chính đạt 3,63 km/km<sup>2</sup>; tỷ lệ nước các cơ sở sản xuất mới xây dựng có trạm xử lý nước thải: 90%. Tỷ lệ đường phố chính được chiếu sáng: 100%, tỷ lệ ngõ hẻm được chiếu sáng: 70%. Đất cây xanh đô thị đạt bình quân 5,33 m<sup>2</sup>/người, đất cây xanh công cộng khu vực nội thị: 5,42 m<sup>2</sup>/người. Tỷ lệ chất thải rắn được thu gom là 85%; tỷ lệ chất thải rắn được xử lý đạt 100%.

Được công nhận là đô thị loại IV, thị trấn Dĩ An mở rộng sẽ tạo điều kiện cho việc tiếp tục đầu tư xây dựng Thị trấn theo quy hoạch được duyệt, có cơ hội tiếp tục phát triển nhanh hơn và toàn diện hơn, phát huy tốt hơn các lợi thế và thực hiện tốt hơn vai trò của một trung tâm chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội của tỉnh Bình Dương, xứng tầm là đô thị trung tâm cấp tỉnh và cấp vùng.

**Huỳnh Phước**



## **Xây dựng các đô thị vệ tinh - Giải pháp lựa chọn của thành phố Minsk**

Việc xây dựng hai đô thị vệ tinh đầu tiên của thành phố Minsk (thủ đô của Cộng hòa Belarusia) sẽ được khởi công vào đầu tháng 11/2010. Các chuyên gia cho rằng việc thu hút những người sinh sống tại Minsk và đang có nhu cầu nhà ở, đến sống tại các đô thị vệ tinh thì cần không chỉ nhà ở có mức giá thấp mà cả việc làm cho thu nhập tốt.

Kế hoạch khởi công xây dựng hai đô thị vệ tinh vào tháng 11 năm nay đã được thông báo tại cuộc họp của chính quyền thành phố, theo đó đến kế hoạch 5 năm sau sẽ khởi công xây dựng thêm hai đô thị vệ tinh nữa.

Theo kế hoạch, đô thị vệ tinh thứ nhất sẽ được xây dựng tại khu vực Smolevichi và có 200.000 m<sup>2</sup> nhà ở trong các nhà chung cư từ 5 đến 9 tầng.

Ngoài ra, trên khu đất 500 ha dự định sẽ xây dựng một khu nhà ở chỉ bao gồm các nhà ở kiểu đơn lập. Chính quyền thành phố hy vọng việc xây dựng khu nhà ở đơn lập sẽ được triển khai bằng tín dụng ưu đãi cấp cho những người chủ sở hữu tương lai của các ngôi nhà này - những người dân Minsk đã đăng ký có nhu cầu nhà ở. Thêm vào đó mức tín dụng với lãi suất chỉ 1%/năm trong 40 năm sẽ chỉ cấp cho những người thường xuyên sống và làm việc tại các điểm dân cư có số dân đến 20.000 người và các hộ gia đình đông con.

Chính quyền cũng mong muốn những người chủ tương lai của các nhà ở đơn lập sẽ đóng góp vốn cho xây dựng hạ tầng kỹ thuật của khu nhà ở.

Tại một cuộc họp báo do chính quyền thành phố Minsk tổ chức giới thiệu về chương trình xây dựng các đô thị vệ tinh, khi trả lời các câu hỏi của nhà báo về tính khả thi của chương trình, ông Viktor Nikitin - Chủ nhiệm Ủy ban Kiến trúc và xây dựng đô thị tỏ ra dè dặt khi nói về sức sống của chương trình.

Rõ ràng là việc bắt buộc người dân chuyển đến sinh sống tại các đô thị vệ tinh bằng biện pháp hành chính là không khả thi hoặc tuyên bố đóng cửa thành phố Minsk cũng không được. Do vậy chỉ còn có một biện pháp là biện pháp kinh tế.

Theo ông Viktor Nikitin, tại các đô thị vệ tinh cần tạo môi trường sống với chất lượng tương tự như tại Minsk nhưng với giá nhà ở thấp hơn so với Minsk, có nghĩa là cần tạo ra một động lực rất mạnh. Nếu không thì ý tưởng mục tiêu này sẽ không đạt được.

Khu nhà ở thí điểm đầu tiên dự định cũng sẽ được xây dựng tại khu vực Smolevichi (nơi sẽ xây dựng đô thị vệ tinh đầu tiên). Tại đây thành phố sẽ tiến hành khảo sát để tìm hiểu xem người dân Minsk có nhu cầu nhà ở xây dựng tại đô thị vệ tinh hay không.

Trong số các chuyên gia của Minsk có ý kiến rằng để chương trình xây dựng các đô thị vệ tinh được thực hiện thành công thì một phần số nhà ở tại các đô thị này nên dành cho những người dân Minsk đã đăng ký nhu cầu nhà ở, được thuê theo điều kiện thuê nhà ở xã hội hoặc thuê nhà ở kinh doanh và một phần số nhà ở sẽ dành để bán với điều kiện vay tín dụng ưu đãi.

Trên thực tế thành phố đã có chủ trương thí điểm đối với nhà ở cho thuê ngay tại Minsk. Từ năm 2011, việc xây dựng nhà ở cho thuê thí điểm sẽ được triển khai tại Minsk. Loại nhà ở này sẽ được dành cho các đối tượng như thầy thuốc, giáo viên, nhân viên y tế mới vào nghề và các chuyên gia khác thuê nhằm mục tiêu giữ cán bộ.

Sự cần thiết xây dựng quỹ nhà ở cho thuê ở thành phố Minsk và ở nước cộng hòa Belarusia nói chung đã được đề cập tại các cuộc họp của quốc hội trong năm nay dành cho việc thảo



luận tìm kiếm các phương pháp cấp vốn có hiệu quả cho xây dựng nhà ở. Các cuộc họp của quốc hội cũng đã nêu lên sự cần thiết của việc xây dựng hệ thống pháp luật làm cơ sở cho việc phát triển thể chế cho thuê nhà ở.

Những đối tượng sau có thể làm chủ sở hữu của nhà ở cho thuê: Nhà nước, doanh nghiệp lớn, cá nhân, tổ chức phi kinh doanh. Hiện nay thể chế cho thuê nhà ở đã và đang được phát triển mạnh tại các nước trên thế giới. Ví dụ, tại Đức tỷ trọng nhà ở cho thuê trong tổng khối lượng nhà ở của quỹ nhà ở đã đạt 60%, ở Thụy Điển - 57%, Hà Lan - 55%, Nhật Bản và Mỹ - gần 35%.

Hội đồng bộ trưởng Belarusia mới đây đã có Quyết định số 976 phê duyệt Chương trình quốc gia xây dựng các khu nhà ở tại các đô thị vệ tinh dành cho cư dân thành phố Minsk và di dời các công trình sản xuất ra khỏi thủ đô để chuyển đến các địa điểm khác trong nước.

Các đô thị vệ tinh được đưa vào Chương trình quốc gia nêu trên gồm có: Các đô thị công nghiệp Dzerzinsk, Zodino, Phanibol; các đô thị nông - công nghiệp Smolevichi, stolbtsur, Uzda, Rudensk; các đô thị du lịch - nghỉ dưỡng Zaslabl, Logoisk.

Mục tiêu chủ yếu của Chương trình là hợp lý hoá số dân của thủ đô và di dời các công trình công nghiệp mà vị trí hiện thời không phù hợp với Quy hoạch chung xây dựng thủ đô Minsk, đến vị trí mới tại các điểm dân cư khác trong nước. Đến năm 2020 sẽ có tất cả 18 công trình công nghiệp được di dời đến các khu công

nh nghiệp của Minsk hoặc ra khỏi thành phố.

Chương trình cũng đề xuất thực hiện các dự án thí điểm xây dựng các khu nhà ở kiểu chung cư và kiểu thấp tầng ở vùng ngoại ô của đô thị vệ tinh Smolevichi và vùng Smolevichi dành cho việc đáp ứng nhu cầu ở của cư dân Minsk, soạn thảo các văn bản pháp quy quy định quy chế của các đô thị vệ tinh và việc cấp tín dụng cho cư dân Minsk xây dựng nhà ở tại đô thị vệ tinh, bảo đảm cung cấp các dịch vụ giao thông cho cư dân các đô thị vệ tinh ở mức độ và tiện nghi cần thiết.

Việc di dân Minsk đến các đô thị vệ tinh còn nhằm thực hiện một mục tiêu nữa đó là giảm tốc độ tăng dân số và tốc độ mở rộng phạm vi đất của thành phố Minsk.

Quy hoạch chung xây dựng thủ đô Minsk dự tính dân số của Minsk từ trên 1,78 triệu người năm 2006 sẽ tăng lên 1,9 triệu vào năm 2015 và 2 triệu người vào năm 2030. Phạm vi đất của Minsk cũng sẽ được bảo đảm tăng từ 30,6 nghìn ha năm 2006 lên 34 nghìn ha vào năm 2015 và đạt 54,2 nghìn ha cho thời hạn dự tính phát triển thành phố trong tương lai.

Dự báo đến năm 2030 diện tích nhà ở bình quân đầu người sẽ từ mức 19 m<sup>2</sup>/người của năm 2006 tăng lên đến 31 m<sup>2</sup>/người; để đạt được chỉ tiêu trên dự tính từ năm 2010 hàng năm khối lượng nhà ở bình quân đưa vào sử dụng sẽ không dưới 1,2 triệu m<sup>2</sup>/năm.

**Huỳnh Phước**

*Theo Báo Xây dựng Nga, Số 29/2010*

## **Những sai lầm và xu thế trong thiết kế xây dựng ở Trung Quốc**

Với tốc độ kinh tế của Trung Quốc phát triển nhanh chóng, đã tạo cơ hội cho ngành bất động sản của nước này phát triển theo. Thông qua phương thức cải cách xây dựng nhà ở, càng làm cho ngành này không ngừng mở rộng phát triển về chiều rộng và cả chiều cao, thị trường tiêu

thụ ngày càng gia tăng, trong thiết kế luôn xuất hiện thiết kế theo trào lưu mới. Đồng thời, bỏ qua một số nguyên tắc chuyên nghiệp, mù quáng chạy theo trào lưu thị trường, đã tạo ra không ít thất bại, không những gây lãng phí trong xây dựng, mà còn tạo ra áp lực liên tiếp

cho xã hội. Là những người làm việc trong ngành thiết kế, nhất định phải tránh những trào lưu lợi bất cập hại này.

Những loại kiến trúc nhà có mặt tiền công kênh, lộn xộn một thời trở thành trào lưu, nay đã không được thịnh hành, mà thay vào đó là những kiểu nhà có kết cấu trang trí đơn giản, màu sắc nhẹ nhàng. Cửa sổ được bố trí ngày càng rộng hơn, bệ cửa được thiết kế khá to nhưng lại không quá cao, như vậy có thể mang lại cho người ta cảm giác gần gũi với thiên nhiên. Hay những ban công được xây bằng xi măng truyền thống nay đã được thay toàn bộ bằng kính, tất cả đều tạo ra một không gian tràn đầy hơi thở của thời đại.

## 1. Xu thế trong thiết kế xây dựng ở Trung Quốc

(1). Chú trọng tới bố cục phòng ở. Yêu cầu các phòng sử dụng phải vuông vắn, phù hợp và kín đáo. Một số bộ phận nhà ở đang phát triển xây dựng theo xu thế 3 chiều, phụ thuộc vào chiều cao khác nhau mà thiết kế không gian với chức năng khác nhau, làm sao có thể tận dụng không gian đạt hiệu quả ở mức tối đa. Hay đối với loại nhà ở có gác lửng, gác lửng chỉ cao khoảng 2,4m, người ta thường tận dụng gác lửng đó làm phòng nghe nhạc, xem ti vi hay phòng làm việc... Trên mái của kiểu nhà có gác lửng, nếu gác lửng có chiều cao từ 2,5m – 3m người ta thường thiết kế loại cửa sổ nghiêng, như vậy có thể tạo ra một không gian vừa đảm bảo thoáng gió, ánh sáng, vừa đem lại một bầu không khí thoáng đãng.

(2). Thiết kế kiểu phòng ngang dần thay thế cho kiểu phòng dọc trước đây. Trước đây người ta rất ưa chuộng cách bố trí kiểu phòng dọc theo hướng Nam Bắc. Nhưng hiện nay người ta bắt đầu thiết kế phòng khách và phòng ăn hoặc phòng đọc sách theo hướng Nam mà lại là kiểu phòng ngang, diện tích của loại phòng này chỉ rộng từ 6-8 m, cửa sổ được thiết kế bằng khung kính lớn, như vậy có thể đảm bảo độ chiếu sáng, thoáng gió, mang lại cảm giác thật thoải mái và thư giãn.

(3). Tỷ lệ phủ xanh bắt đầu được chú trọng nhiều hơn. Trước đây theo quan niệm của người dân, tỷ lệ phủ xanh ở khu dân cư càng nhiều càng tốt, nên dẫn tới kết quả đâu đâu cũng chỉ thấy toàn bãi cỏ và cây xanh, không được quy hoạch rõ ràng. Trên thực tế, việc làm này chỉ có thể gọi là tỷ lệ phủ xanh, nhưng chưa đạt hiệu quả về cảnh quan. Hiện nay, ở một số khu vực, người ta bắt đầu chú trọng tới công tác trồng cây xanh, kết hợp với công tác thiết kế tổng thể cảnh quan công viên, nên mật độ cây xanh được quy hoạch khá cụ thể, chất lượng môi trường đã được nâng cao rõ rệt.

(4). Không gian sống ngày càng được nâng cao. Hiện nay, xu hướng khu dân cư tập trung có đầy đủ cây xanh, công viên, sân bãi, câu lạc bộ... đã được quan tâm và chú trọng hơn. Nên trong thiết kế các toà chung cư, cứ cách mấy tầng người ta lại thiết kế bố trí một không gian để thư giãn, nghỉ ngơi. Trong không gian mở ấy bao gồm đầy đủ cả cây cảnh, hoa lá, đèn chiếu sáng, ghế ngồi, nên những hộ sinh sống tại những toà nhà cao tầng, không cần phải ra ngoài, họ cũng có thể trực tiếp được tận hưởng cảnh quan thiên nhiên, được giao lưu với những hộ cùng chung sống trong cùng một toà nhà với mình, giúp người ta quên đi cảm giác bị tách biệt khi sống trên tầng cao.

(5). Chú trọng về tính sinh thái. Trong thiết lập hệ thống quy hoạch sinh thái, phần đầu làm sao có thể đạt được về mặt khoa học, hợp lý, điều kiện tự nhiên núi non sông nước càng nhiều càng tốt. Trong trình tự thiết kế, trước tiên phải thiết kế về cảnh quan, sau mới thiết kế kiến trúc, làm sao để công tác xây dựng, cảnh quan, môi trường kết hợp hài hoà và thống nhất với nhau.

(6). Chú trọng tới tương lai. Giá trị về mặt thời gian của một ngôi nhà, là chỉ khả năng tồn tại cùng với thời gian của ngôi nhà đó. Trở lại thời điểm nóng về nhà ở của nhiều năm về trước, đến nay những dự án nhà ở này chỉ được người ta biết đến với tên gọi là những khu nhà

cũ, giá cả chỉ có thể ở mức 1/2 đến 1/3 so với hiện nay. Giá cả bị giảm xuống như vậy là do chịu áp lực cạnh tranh của nhiều dự án mới, mặt khác cũng là do được xây dựng trong một thời gian dài, đặc biệt là tính chất thiết kế của sản phẩm không đáp ứng với nhu cầu sử dụng của người tiêu dùng hiện nay. Nên một kiến trúc tốt, không phải chỉ cần đáp ứng với nhu cầu hiện tại của người tiêu dùng là được, mà cần tính toán xây dựng cho 10, 20 năm sau vẫn đảm bảo chức năng sử dụng và vẫn giữ giá trị trên thị trường.

## **2. Những sai lầm trong thiết kế xây dựng**

Cùng với những chi phí dùng cho công tác phủ xanh và những quan niệm mới về sinh thái du nhập vào Trung Quốc, không ít doanh nghiệp phát triển bất động sản đang chạy theo trào lưu này, đua nhau để có được thể chứng nhận đảm bảo sinh thái, trên thị trường đầu đầu cũng thấy quảng cáo rầm rộ nhà ở vì sức khỏe, nhà ở đảm bảo cây xanh, nhà ở đảm bảo sinh thái, non nước...

Theo các chuyên gia, cái gọi là nhà ở sinh thái phải đảm bảo đủ 3 điều kiện: bảo vệ tài nguyên, hạn chế ô nhiễm, tạo ra một môi trường sống lành mạnh và thoải mái, đảm bảo sinh thái kết hợp hài hòa với môi trường xung quanh. Để xây dựng một khu chung cư có cây xanh, là phải biết tận dụng vào địa thế và điều kiện tự nhiên xung quanh một cách hợp lý và khoa học, đảm bảo mối quan hệ hài hòa giữa khu dân cư đối với thiên nhiên. Tuy nhiên, làm thế nào để hiểu và nắm bắt được ý nghĩa của nhà sinh thái, mở rộng phát triển xây dựng phù hợp với quốc gia và địa phương, cần tránh một số lỗi sau:

(1). Nhiều người cho rằng, chỉ cần có diện tích đất sử dụng lớn, là có thể xây dựng một khu dân cư đảm bảo cây xanh, đã có không ít doanh nghiệp chạy theo trào lưu này, nên từ ngoài nhìn vào những khu dân cư ấy chỉ thấy khoảng cách giữa các hộ và không gian cây xanh quá lớn, diện tích sử dụng thì nhỏ hẹp,

như vậy làm sao có thể đáp ứng với nhu cầu tiết kiệm năng lượng chiếu sáng và nguồn tài nguyên. Trung Quốc tuy là một quốc gia phát triển, nhưng mật độ dân số quá đông, nên vẫn nghèo về tài nguyên đất, so với trên thế giới, diện tích đất canh tác trên đầu người ở Trung Quốc chỉ khoảng 1/3, chỉ cần mỗi người dân có ý thức tiết kiệm 1 phân đất thôi, cũng sẽ giúp quốc gia duy trì phát triển. Nên đối với việc sử dụng quá nhiều đất vào trong xây dựng nhà ở, chính phủ cần có biện pháp ngăn chặn kịp thời và kiểm soát nghiêm ngặt.

(2). Theo quan niệm của những nhà đầu tư, xây dựng khu nhà ở sinh thái, chính là xây dựng một khu dân cư cao cấp, không những phục vụ số ít những hộ gia đình giàu có, mà còn là điều kiện giúp địa phương đó phát triển. Chính phủ đề xướng xây dựng nhà ở dành cho người có thu nhập thấp, người ta cũng phải đưa ra yêu cầu về sinh thái từ đó mới có thể triển khai xây dựng, như vậy mới đảm bảo yêu cầu cân bằng sinh thái và phủ xanh, tất nhiên việc xây dựng và đảm bảo môi trường sinh thái luôn là cần thiết, tuy nhiên còn phải phụ thuộc vào hoàn cảnh và tình hình thực tế, không nên chạy theo trào lưu mà mắc sai lầm.

(3). Quan niệm về những nhà ở quý tộc. Hiện tượng nhiều doanh nghiệp xây dựng nhà ở dành cho những người có điều kiện kinh tế đang ngày càng phát triển, những căn nhà họ xây diện tích thấp nhất cũng phải chiếm từ 80 – 90m<sup>2</sup>, trung bình khoảng 120m<sup>2</sup>. Xu thế này thật không phù hợp với tình hình thực tế của người dân Trung Quốc hiện nay.

(4). Đường giao thông. Điều này phản ánh rất rõ vấn đề bản chất thiết kế của thành phố đó ra sao. Cùng với tốc độ xây dựng khu dân cư phát triển nhanh chóng, các tuyến đường giao thông cũng dần mọc lên. Khu dân cư vốn dĩ là một hệ thống đã hình thành từ trước, còn việc thiết kế đường giao thông chỉ đơn thuần là sự theo đuổi vẻ đẹp thẩm mỹ và thực hiện một cách ngẫu nhiên. Nhưng đối với những tuyến

đường mọc lên một cách tự do và ngẫu nhiên ấy, đôi lúc sẽ gây bất tiện cho người dân sinh sống trong khu dân cư, thiếu sự thống nhất giữa các khu dân cư với nhau, làm cho giao thông thành phố trên phạm vi rộng cũng gặp trở ngại.

Trong xây dựng, mỗi điểm đổi mới, đều có thể trở thành trào lưu của thời đại. Để đi theo con đường đúng đắn, thì các doanh nghiệp, nhất là những người làm công tác thiết kế phải có lập trường vững vàng, không học theo những

quan niệm sai lầm không phù hợp với thực tế. Chỉ có tìm hiểu sâu sa và nghiên cứu bản chất vốn có về nhà ở và phương hướng phát triển, nắm bắt được tình hình thị trường, thì doanh nghiệp ấy mới thực sự đáp ứng với nhu cầu của người mua nhà và đô thị mới có thể duy trì phát triển về nhà ở. /.

Nguồn: <http://jzqyw.com>

ND: Bích Ngọc

## **Thời đại mới cần có tư duy mới**

Quy hoạch đô thị là bản vẽ phát triển đô thị, là chỗ dựa chủ yếu để xây dựng và quản lý đô thị. Quan điểm phát triển đô thị cần phải phù hợp với nhu cầu thực tế của quy hoạch đô thị, giúp đỡ hữu hiệu về mặt lý luận cho quy hoạch đô thị, đem lại nhiều khái niệm mới cho quy hoạch đô thị. Quan điểm phát triển khoa học là sự bảo đảm tốt nhất của quy hoạch phát triển đô thị, nâng cao chiến lược tư duy chiến lược, tư duy biện chứng, tư duy hệ thống và tư duy sáng tạo của những người làm công tác quy hoạch đô thị, thông qua điều chỉnh, chỉ đạo và thực hiện quy hoạch đô thị, khiến cho chính sách quy hoạch đô thị của Nhà nước và hành động phối hợp càng thêm chính xác, càng thêm ổn định. Hiện nay, Trung Quốc đang phát triển theo hướng nhất thể hóa thành thị với nông thôn, đô thị hóa trở thành xu thế bắt buộc, nhiệm vụ quan trọng của đô thị hóa là phải tiến hành quy hoạch một cách khoa học và hợp lý, bảo đảm cho xây dựng thành thị và nông thôn phát triển lành mạnh. Quy hoạch đô thị nói trong bài viết này có ý nghĩa quan trọng đối với các mặt như thúc đẩy thành thị và nông thôn phát triển theo hướng nhất thể hóa, đẩy mạnh tiến bộ xã hội và phát triển kinh tế thành thị và nông thôn, tăng cường xây dựng môi trường cư trú, tăng cường giáo dục, khoa học kỹ thuật, văn hóa, y tế, thể thao...

**I. Nhiệm vụ mới và yêu cầu mới của quy hoạch đô thị**

### **1. Yêu cầu mới của đô thị hóa đối với công tác quy hoạch đô thị**

Trung Quốc đã bước vào thời kỳ đô thị hóa. Trong quá trình đẩy mạnh đô thị hóa với quy mô lớn, có hai điểm phải đặc biệt chú ý: sẽ trải qua thời kỳ dân số đô thị vượt quá dân số nông thôn lần đầu tiên trong lịch sử nước ta; sẽ đồng thời trải qua thời kỳ đô thị nuôi sống nông thôn lần đầu tiên trong lịch sử. Hai điểm này đều có ý nghĩa cột mốc, không những chứng tỏ Trung Quốc đã đi vào xã hội công nghiệp hóa toàn diện, mà còn chứng tỏ mối quan hệ giữa thành thị và nông thôn đã bắt đầu có những thay đổi về chất. Công cuộc đô thị hóa có quy mô to lớn, ảnh hưởng sâu rộng, nhiệm vụ nặng nề, tất nhiên sẽ quan hệ tới vận mệnh đất nước. Bởi vậy, phải giữ cho đầu óc tỉnh táo, gánh vác trọng trách lịch sử trao cho, đón chào thời kỳ đô thị hóa.

### **2. Cân đối giữa đẩy mạnh đô thị hóa và xây dựng nông thôn mới xã hội chủ nghĩa**

Đẩy mạnh đô thị hóa và xây dựng nông thôn mới xã hội chủ nghĩa là hai bộ phận cấu thành quan trọng bổ sung lẫn cho nhau và không thể thiếu, là nhiệm vụ mới của quy hoạch đô thị. Một mặt, đô thị hóa là xu thế lớn khi cơ cấu xã hội và kinh tế thay đổi, phải kiên định đẩy mạnh đô thị hóa, di chuyển dân số nông thôn một cách có trật tự, hiệu quả, sản xuất nông nghiệp, nhanh chóng đặt nền móng cho phát triển nông

thôn. Mặt khác, một thời gian tương đối dài sau này, Trung Quốc luôn có hàng chục triệu người sinh hoạt ở nông thôn, một bộ phận nông dân vào thành phố làm việc còn lưu thông hai chiều, phải giải quyết tốt nơi cư trú cho nông dân. Cần phải cân đối hài hòa giữa đẩy mạnh đô thị hóa với xây dựng nông thôn mới xã hội chủ nghĩa, nắm chắc tốc độ đô thị hóa hợp lý, tích cực chỉ đạo di chuyển dân số nông thôn, khiến cho đô thị hóa và phát triển kinh tế xã hội tương xứng với nhau, cố gắng hình thành cục diện đô thị hóa và xây dựng nông thôn mới xã hội chủ nghĩa thúc đẩy lẫn nhau.

## **II. Tư duy quy hoạch đô thị mới**

### **1. Chỉ đạo quy hoạch đô thị phát triển toàn diện bằng quan điểm phát triển khoa học**

#### *a. Nguyên tắc và phương châm chỉ đạo khoa học*

Quán triệt thực hiện toàn diện quan điểm phát triển khoa học, chỉ đạo đô thị hóa và phát triển lành mạnh đô thị bằng quy hoạch đô thị khoa học, giải quyết những vấn đề nổi cộm còn tồn tại hiện nay, phát triển bền vững kinh tế xã hội là nhiệm vụ quan trọng của công tác quy hoạch đô thị. Thủ tướng Trung Quốc Ôn Gia Bảo đã yêu cầu các thị trưởng phải chỉ đạo quy hoạch đô thị bằng quan điểm phát triển khoa học, thống nhất làm tốt các công tác quy hoạch, xây dựng và quản lý đô thị. Quy mô đô thị cần được điều tiết hợp lý; bộ mặt đô thị cần thể hiện nét đặc sắc dân tộc và nét đặc sắc địa phương; đô thị cần phát triển theo hướng tiết kiệm năng lượng, bảo vệ môi trường; quy hoạch phát triển đô thị cần lấy con người làm gốc, thiết lập môi trường cư trú thích hợp, xây dựng đô thị cần thực hiện mục tiêu kinh tế xã hội phát triển cân đối, văn minh vật chất và văn minh tinh thần cùng tiến bộ; quản lý đô thị cần phải kiên trì quản lý đô thị theo pháp luật, xây dựng hài hòa. Thủ tướng Ôn Gia Bảo đã chỉ rõ nguyên tắc, phương châm chỉ đạo quy hoạch, xây dựng và quản lý đô thị

trong thời kỳ mới, thực hiện quan điểm phát triển khoa học, xác định khoa học tính chất, quy mô và phương hướng phát triển của đô thị, đi theo con đường phát triển bền vững, giải quyết hữu hiệu các mâu thuẫn và vấn đề còn tồn tại trong quá trình phát triển đô thị, bảo đảm xã hội, kinh tế, nhân văn, tài nguyên và môi trường đô thị phát triển cân đối, đó là nhiệm vụ quan trọng của những người làm công tác quy hoạch đô thị hiện nay.

#### *b. Phương pháp luận khoa học*

Quan điểm phát triển khoa học là thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác về phát triển, nâng cao năng lực tư duy chiến lược, tư duy biện chứng, tư duy hệ thống và tư duy sáng tạo, phương pháp cơ bản của nó là quan tâm thống nhất và điều tiết phát triển “bốn mối quan hệ” trong thời kỳ mới (tức là quan hệ giữa thành thị và nông thôn, quan hệ khu vực, quan hệ giữa kinh tế và xã hội, quan hệ giữa con người và tự nhiên). Tổng hợp cao độ và điều tiết hệ thống là đặc trưng cơ bản của quy hoạch đô thị, kết hợp cao độ tư tưởng “bốn quan tâm thống nhất” (quan tâm thống nhất thành thị và nông thôn, quan tâm thống nhất phát triển khu vực, quan tâm thống nhất kinh tế và xã hội, quan tâm thống nhất phát triển hài hòa phát triển con người và tự nhiên), nắm vững và vận dụng phương pháp luận khoa học để chỉ đạo quy hoạch đô thị, chỉ như vậy mới có thể phát huy tốt hơn tác dụng điều tiết, cân đối của quy hoạch đô thị.

#### *c. Phương thức phát triển khoa học*

Muốn phát triển khoa học, cần thay đổi phương thức phát triển, nâng cao năng lực sáng tạo từ góc độ chiến lược, khiến cho phát triển kinh tế xã hội thực sự chuyển từ chỗ chủ yếu dựa vào tiêu dùng tài nguyên vật chất tới chỗ chủ yếu dựa vào tiến bộ khoa học kỹ thuật, nâng cao tố chất của người lao động, sáng tạo quản lý, đi theo con đường tự chủ sáng tạo. công tác quy hoạch đô thị cần phải xác lập hệ thống phương pháp và tư tưởng quy hoạch phù



hợp với quan điểm phát triển khoa học, phát triển bền vững đô thị, phải chỉ đạo chuyển biến từ quy hoạch vật chất là chính sang quy hoạch xã hội là chính dưới quan điểm quy hoạch đô thị mới trong đó con người và tự nhiên chung sống hài hòa. Phát huy tác dụng là một chính sách công cộng tổng hợp của quy hoạch đô thị, tăng cường cơ chế điều tiết của quy hoạch đô thị, cân đối nhiều lợi ích của đô thị, bảo đảm thể hiện lợi ích công cộng, lợi ích dài hạn và lợi ích chính thể, tiến hành chỉ đạo và điều tiết đối với xây dựng phát triển đô thị, bảo đảm phát triển bền vững đô thị.

## **2. Kiên trì lấy con người làm gốc, chú trọng cải thiện môi trường cư trú, cải thiện dân sinh**

### *a. Xác lập quan điểm nhân bản khoa học*

Trọng tâm của quan điểm phát triển khoa học là lấy con người làm gốc, đó cũng là mục tiêu theo đuổi của quy hoạch đô thị. Theo yêu cầu lấy con người làm gốc, thành quả sáng tạo và phát triển của quy hoạch đô thị cần thể hiện thành mức sống của nhân dân được nâng cao, nhu cầu của nhân dân về văn hóa và vật chất được đáp ứng, con người được phát triển toàn diện. Đô thị là một hệ thống phức hợp lớn, bao gồm kinh tế – xã hội – tự nhiên, trong đó con người là chủ thể, môi trường là tải thể, con người và môi trường tác động tương hỗ với nhau. Dĩ nhiên, quy hoạch đô thị là quy hoạch các yếu tố vật chất và không gian, mà đối tượng phục vụ của yếu tố vật chất là con người, thực hiện quy hoạch đô thị ảnh hưởng trực tiếp tới lợi ích thiết thân của quần chúng nhân dân. Vì vậy, lấy con người làm gốc cần phải trở thành thước đo của công tác đề ra và thực hiện quy hoạch đô thị, trở thành xuất phát điểm và điểm đặt chân của công tác đề ra và thực hiện quy hoạch đô thị, không ngừng đáp ứng nhu cầu xây dựng và phát triển đô thị của người, thúc đẩy con người phát triển toàn diện, bảo vệ lợi ích của quần chúng nhân dân trong xã hội, bảo vệ lợi ích hợp pháp của các quần thể xã hội khác

nhau, có gắng tạo ra môi trường xã hội đô thị trong đó mọi người phát triển bình đẳng. Đó là quan điểm nhân bản mà những người làm công tác quy hoạch đô thị cần phải có.

### *b. Xây dựng môi trường cư trú, đáp ứng nhu cầu hoạt động của cư dân*

Đô thị là không gian hoạt động sinh hoạt, công tác, học tập giao tiếp, nghỉ ngơi... của mọi người. Việc đề ra quy hoạch đô thị có khoa học hay không, có hợp lý hay không, điều mấu chốt là nó có thể đáp ứng được nhu cầu hoạt động của con người hay không. Lấy quy hoạch một tiểu khu cư trú làm ví dụ, thực chất quy hoạch khu cư trú là quy hoạch phương thức sinh hoạt và cư trú của mọi người. Nếu phân loại những hoạt động khác nhau của mọi người trong sinh hoạt sản xuất hàng ngày thì chúng thuộc về ba loại: Thứ nhất, hoạt động hàng ngày như đi làm, đưa trẻ đi học, mua sắm...; thứ hai, hoạt động mang tính lựa chọn như thể dục buổi sáng, nghỉ ngơi...; thứ ba, hoạt động mang tính ngẫu nhiên như họp dân phố chẳng hạn. Tiểu khu nhà ở cấu thành nên khu cư trú là đơn vị cơ bản của xã hội đô thị, những người sống ở đây cần phải có hoạt động giao tiếp xã hội với những người ở khu vực khác, các hoạt động này có yêu cầu riêng của nó. Khi quy hoạch khu cư trú, chúng ta nhất định phải phân tích những hoạt động này, đáp ứng như cầu hoạt động của mọi người, tạo ra môi trường giao tiếp tốt đẹp cho mọi người.

### *c. Đồng thời quan tâm, phát triển toàn diện con người*

Việc đề ra và thực hiện quy hoạch đô thị cần phải phát triển thống nhất. Chỉ có như vậy mới có thể thực hiện được mục tiêu phát triển toàn diện con người. “Năm điều thống nhất” ảnh hưởng tới việc phát triển toàn diện con người ở ba tầng: Một, phát triển toàn diện thể hệ đương đại, phải xử lý đúng đắn mối quan hệ giữa phát triển xã hội, phát triển kinh tế và phát triển toàn diện con người. Thúc đẩy kinh tế, xã hội, môi trường phát triển cân đối, bảo đảm lợi ích của

nhân dân, phát triển toàn diện con người là mục đích của công tác đề ra và thực hiện quy hoạch đô thị; khiến cho hiệu quả kinh tế, hiệu quả xã hội và hiệu quả môi trường nhất trí với nhau, hài hòa với phát triển toàn diện con người là quan điểm giá trị của công tác quy hoạch đô thị; hai, phải xử lý đúng đắn mối quan hệ phát triển giữa thành thị và nông thôn, giữa thành thị và khu vực, giữa đồng thời quan tâm phát triển thành thị và nông thôn với phát triển khu vực nhằm bảo đảm phát triển toàn diện con người ở các khu vực khác nhau; ba, phát triển toàn diện thế hệ sau, sự phát triển của thế hệ đương đại ảnh hưởng tới sự phát triển của thế hệ sau. Chúng ta cần phải để lại không gian, điều kiện sáng tạo cho thế hệ sau phát triển, tăng cường khả năng phát triển bền vững của họ, có nhiều công tác phải thông qua đề ra và thực hiện quy hoạch đô thị.

*d. Cân đối lợi ích của quần chúng là chức năng cơ bản của quy hoạch đô thị*

Bên trong hình thành quan điểm nhân bản và bên ngoài nâng cao ý thức bảo vệ quyền lợi nhân dân, điều này đòi hỏi quy hoạch đô thị phải quan tâm tới nhu cầu sinh hoạt trong thực tế của cư dân đô thị, không ngừng nâng cao mức độ phục vụ công cộng và chất lượng sinh hoạt. Quy hoạch cần chú trọng hơn về xây dựng đồng bộ công trình phục vụ sinh hoạt đô thị. Trừ những công trình công cộng cấp thành phố, cấp khu vực ra, cần đặc biệt quan tâm bố trí công trình công cộng cấp khu cư trú. Đồng thời, người dân thành phố cần có quyền tham gia vào quy hoạch đô thị. Xét cho cùng, quy hoạch đô thị phản ánh lợi ích của quần chúng. Hiện nay, những vấn đề như tranh chấp hành chính, quyền lợi của quần chúng nhân dân không cân đối... đang gây nhiều trở ngại cho công tác quy hoạch đô thị. Muốn thay đổi cục diện này, cần phải hình thành cơ chế nhiều bên tham gia vào quy hoạch đô thị. Khi đề ra phương án quy hoạch, kiến nghị sửa đổi quy hoạch, cần triệt để nghiên cứu khả năng chấp

nhận của người dân thành phố, lấy lợi ích của quần chúng nhân dân làm mục tiêu quy hoạch.

“Luật quy hoạch thành thị và nông thôn nước Cộng hòa Nhân dân Trung hoa” chỉ rõ cơ sở để đề ra luật này là thực hiện mục đích chung phát triển kinh tế xã hội, xây dựng hiện đại hóa. Xác định quy hoạch đô thị phải chú trọng quan tâm tới lợi ích chung, ngăn ngừa ô nhiễm và các ảnh hưởng tới môi trường chung khác, quán triệt nguyên tắc có lợi cho sản xuất, thuận tiện cho sinh hoạt, đẩy mạnh lưu thông, làm phồn vinh nền kinh tế, thúc đẩy sự nghiệp khoa học kỹ thuật, văn hóa giáo dục.

**3. *Coi trọng tiết kiệm năng lượng và bảo vệ môi trường, tăng cường năng lực phát triển bền vững***

Theo yêu cầu cơ bản về phát triển toàn diện, cân đối và bền vững, đốc sức giải quyết các vấn đề như phát triển phiến diện, phát triển mù quáng, chỉ quan tâm tới phát triển trước mắt..., đặc biệt là cần phải uốn nắn các sai lầm như chỉ đơn thuần chạy theo tốc độ, không quan tâm tới tiết kiệm năng lượng, giảm bớt xả chất thải và bảo vệ môi trường, thậm chí còn phá hoại môi trường, phá hoại nguồn tài nguyên để trả giá cho tăng trưởng kinh tế nhất thời, không coi trọng phát triển hài hòa kinh tế, chính trị, văn hóa và xã hội. Yêu cầu cơ bản của quan điểm phát triển khoa học là phát triển toàn diện, cân đối và bền vững, yêu cầu phát triển đô thị phải kiên trì đi theo đường lối phát triển văn minh: kinh tế phát triển, cuộc sống sung túc, môi trường sinh thái tốt, khiến cho quần chúng nhân dân sinh hoạt và sản xuất trong môi trường sinh thái tốt, thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế xã hội một cách bền vững.

*a. Phát triển bền vững năng lượng và tồn lượng môi trường sinh thái là cơ sở quan trọng của xây dựng đô thị*

Môi trường và tài nguyên là điều kiện cơ bản cho loài người sinh tồn và phát triển, phần lớn tài nguyên tự nhiên không thể tái sinh. Nguồn tài nguyên bình quân đầu người nước ta

tương đối thiếu, sức chịu đựng của môi trường tương đối kém, phải cải thiện phương thức sản xuất và tiêu dùng không bền vững, phát triển nhanh chóng và lâu bền trong khi chỉ phải trả giá thấp về tài nguyên và môi trường, phải thay đổi tình trạng đầu tư cao, tiêu dùng nhiều, ô nhiễm nặng, đi theo con đường tiết kiệm năng lượng, bảo vệ môi trường, tăng cường khả năng phát triển bền vững. Đó là quan điểm về năng lượng mà những người làm công tác quy hoạch phải có. Một điểm quan trọng trong quan điểm phát triển khoa học khai thác và sử dụng hợp lý tài nguyên tự nhiên. Theo thống kê, số năng lượng tiêu dùng để sản xuất ra 1 USD giá trị sản lượng của Trung Quốc nhiều gấp 5,9 lần bảy nước công nghiệp phát triển phương Tây, gấp 10 lần Nhật Bản. Điều này chứng tỏ, tiêu hao năng lượng và tài nguyên trong phát triển kinh tế nước ta tương đối cao, có thể cải thiện khoảng cách rất lớn giữa mức độ hiện nay và mức độ lý tưởng. Dưới sự chỉ đạo của quan điểm phát triển bền vững, công tác quy hoạch đô thị cần phải tăng cường quan tâm và trực tiếp ứng phó với tình hình đất chật người đông, với hiện trạng môi trường sinh thái. Trên cơ sở phân tích công tác phát triển đô thị trong tương lai, cần phải chuyển hướng từ quan tâm tới mục tiêu và quy mô trước đây sang chú trọng phân tích dung lượng môi trường lớn nhất của đô thị. Về mặt cung ứng đất xây dựng các ngành sản xuất đô thị, tăng cường quan tâm cơ cấu các ngành sản xuất, cường độ đầu tư và hiệu quả bình quân. Về lựa chọn không gian, tập trung tài nguyên hữu hạn tới khu vực trọng điểm phát triển đô thị, đẩy mạnh tối ưu hóa phương thức sử dụng đất đai, thể hiện giá trị của đất, tạo ra quy mô đất đai.

*b. Quán triệt tinh thần tiết kiệm năng lượng, bảo vệ môi trường trong suốt quá trình để ra quy hoạch đô thị*

Theo yêu cầu phát triển bền vững, trong quá trình để ra quy hoạch đô thị, vận dụng phương pháp so sánh tổng hợp, chú trọng điều tiết hai

chỉ tiêu quan trọng dung lượng và khả năng chịu đựng. Tức là, nếu phương án ban đầu của quy hoạch đô thị phá vỡ sức chịu đựng của môi trường đô thị và năng lực cung cấp tài nguyên của đô thị thì phải điều tiết nhu cầu phát triển kinh tế xã hội đô thị. Khi để ra phương án quy hoạch đô thị mới, dựa vào so sánh chỉ tiêu môi trường, chỉ tiêu năng lượng với sức chịu đựng của môi trường, năng lực cung ứng năng lượng, quan tâm tới sức chịu đựng của môi trường đô thị và năng lực cung cấp tài nguyên của đô thị, phương pháp so sánh xác định cho tiêu hao môi trường đô thị trong một mức độ hợp lý.

- Nội dung quy hoạch đã không còn bị giới hạn bởi sự phát triển của bản thân đô thị, mà đưa các nhân tố như dân số, kinh tế, xã hội, tài nguyên, môi trường... vào quá trình quy hoạch.

- Xuất phát điểm của toàn bộ quy hoạch không chỉ là mối quan hệ phát triển kinh tế xã hội đô thị với đất đai, không gian và tài nguyên đô thị, mà còn đặc biệt coi trọng tăng cường sức chịu đựng của môi trường đô thị và năng lực cung cấp tài nguyên của đô thị,

- Bảo đảm cho phát triển đô thị và môi trường tài nguyên cùng thúc đẩy lẫn nhau, cùng tồn tại hài hòa.

*c. Triển khai đánh giá ảnh hưởng môi trường của quy hoạch đúng lúc, khiến cho môi trường sinh thái cân đối hài hòa với phát triển đô thị*

Đánh giá ảnh hưởng môi trường của quy hoạch là một yêu cầu của phát triển khoa học. Về mặt pháp luật, "Luật đánh giá ảnh hưởng môi trường nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa" bắt đầu thực hiện từ năm 2003 xác định rõ các tầng quy hoạch bao gồm quy hoạch sử dụng đất đai, quy hoạch tổng hợp khu vực, lưu vực, lãnh hải, mười quy hoạch chuyên ngành như công nghiệp, nông nghiệp, ngành chăn nuôi, lâm nghiệp, năng lượng, thủy lợi, giao thông, xây dựng đô thị, du lịch, khai thác tài nguyên thiên nhiên. Quy hoạch mang tính chỉ đạo cần triển khai đánh giá ảnh hưởng môi trường (EIA). Trong chiến lược phát triển bền

vững, EIA là biện pháp và phương pháp quan trọng để thực hiện nguyên tắc phát triển bền vững thông qua “chiến lược và chính sách – quy hoạch và kế hoạch – dự án xây dựng”.

Cơ chế đánh giá ảnh hưởng môi trường của quy hoạch bảo đảm cho tính khoa học trong công tác quy hoạch. Đánh giá ảnh hưởng môi trường của quy hoạch đánh giá, dự đoán ảnh hưởng của việc thực hiện các quy hoạch phát triển đô thị đối với môi trường, chủ yếu bao gồm các tiêu chuẩn phân tích và đánh giá ở ba mặt sau:

- Phương hướng phát triển các ngành sản xuất trong quy hoạch mà xuất phát điểm cơ bản là thân thiện với môi trường.

- Nguyên tắc cơ bản khi triển khai soạn thảo quy hoạch là ưu tiên sinh thái.

- Mục tiêu môi trường là tiêu chuẩn đánh giá thành quả quy hoạch.

Thực tiễn chứng minh, cơ chế đánh giá ảnh hưởng của quy hoạch đối với môi trường là biện pháp hữu hiệu nhất, trực tiếp nhất để thực hiện chiến lược phát triển bền vững, hạn chế phá hoại môi trường ngay từ khi bắt đầu phát triển, bảo đảm hữu hiệu tính bền vững trong phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường, có thể thúc đẩy sự hài hòa thống nhất giữa loài người và môi trường tự nhiên.

### **III. Hoàn thiện thể chế và cơ chế, tăng cường xây dựng pháp chế**

Xét tình hình Trung Quốc hiện nay, hệ thống pháp luật về quy hoạch đô thị bao gồm luật quy hoạch đô thị, trình tự soạn thảo và chế độ thẩm tra phê chuẩn quy hoạch đô thị, cơ cấu quản lý và điều lệ pháp quy thực hiện quy hoạch, tiêu chuẩn kỹ thuật của quy hoạch đô thị. Theo sau tình hình phát triển và khoa học kỹ thuật tiến bộ, đặc biệt là thể chế kinh tế thị trường từng bước hoàn thiện, bản thân hệ thống quy hoạch không còn thích hợp và ngày càng không hoàn thiện, khó phát huy tác dụng chỉ đạo đối với phát triển đô thị và khu vực. Bởi vậy, muốn hoàn thiện hệ thống quy hoạch, cần phải giải

quyết gấp mấy vấn đề sau:

- Cải cách hệ thống quy hoạch hai cấp hiện nay, xây dựng và hoàn thiện hệ thống quy hoạch mới xuyên suốt tuyến chính, có tầng thứ rõ ràng, liên hệ hữu cơ, đầy đủ về hình thức và nội dung.

Hệ thống quy hoạch đô thị hiện nay của Trung Quốc đang phần nào rối loạn. Về các mặt tương quan với quy hoạch tổng thể, ngoài quy hoạch tổng thể đô thị pháp định ra, còn có rất nhiều hình thức quy hoạch như quy hoạch khái niệm, quy hoạch chiến lược phát triển đô thị, quy hoạch vành đai đô thị, quy hoạch quần thể đô thị, quy hoạch hệ thống đô thị do Bộ Xây dựng ra sức thúc đẩy... đồng thời tồn tại. Một mặt, điều này chứng tỏ vấn đề cân đối khu vực đang được coi trọng; mặt khác, chứng tỏ hệ thống quy hoạch hiện nay không thể thỏa mãn yêu cầu của thực tế, cần có sự điều chỉnh về pháp luật, xác định rõ địa vị của những quy hoạch này, sự tiếp nối và mối liên hệ điều tiết lẫn nhau giữa chúng.

- Nhanh chóng xây dựng chế độ về trình tự soạn thảo và thực hiện quy hoạch

Xây dựng các chế độ như ủy ban quy hoạch đô thị, phái những người làm công tác quy hoạch thường trú tại các địa phương... là nội dung quan trọng của công tác xây dựng chế độ, điều quan trọng hơn cả là khiến cho quần chúng nhân dân tăng cường tham gia vào quy hoạch đô thị. Bảo đảm cho quần chúng tham gia quy hoạch đô thị cũng là quá trình quần chúng giám sát thực hiện quy hoạch, vừa có thể ngăn ngừa quy hoạch đô thị bỏ quên lợi ích quần chúng, vừa có thể tăng cường hậu thuẫn vững chắc cho quy hoạch đô thị “nói lý” với quyền lực. Trong trình tự quy hoạch, xác định rõ địa vị, hình thức và nội dung quần chúng tham gia, kiện toàn hệ thống tổ tông pháp luật nhằm bảo đảm cho quần chúng nhân dân có thể biểu đạt hữu hiệu ý kiến của mình, hình thành cơ chế “rút lui”, đẩy mạnh cải cách mọi mặt của quy hoạch đô thị.

- Tiếp tục quản lý quy hoạch

Tiếp tục tăng cường các chế độ đồng bộ như quy phạm hóa, tiêu chuẩn hóa, giản lược hóa, xây dựng quy trình thẩm tra phê chuẩn hành chính quy hoạch, vận hành quy hoạch, công khai hóa quy hoạch, giám sát quản lý quy hoạch..., không ngừng nâng cao mức độ hành chính theo pháp luật và hiệu quả phục vụ của quy hoạch.

Quan điểm phát triển khoa học chỉ rõ phương hướng xây dựng và phát triển đô thị sau này. Hiện nay, tiến trình đô thị hóa của Trung Quốc đang diễn ra mau chóng, nhiệm vụ soạn

thảo và thực hiện quy hoạch đô thị hết sức nặng nề. Người làm công tác soạn thảo quy hoạch đô thị cần phải kiên trì nguyên tắc lấy con người làm gốc, xác lập và thực hiện đúng đắn quan điểm phát triển khoa học, chỉ đạo công tác soạn thảo và thực hiện quy hoạch đô thị.

**Trần Phong**

*Tạp chí "Xây dựng thành thị và nông thôn"*

*số 4 năm 2010*

**ND: Hoàng Thế Vinh**



# **BỘ XÂY DỰNG PHÁT ĐỘNG QUYÊN GÓP ỦNG HỘ ĐỒNG BÀO BỊ LŨ LỤT MIỀN TRUNG**

Hà Nội, ngày 07 tháng 10 năm 2010



Bộ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Hồng Quân mở đầu Lễ quyên góp



Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động cơ quan Bộ Xây dựng nhiệt tình hưởng ứng Lễ quyên góp ủng hộ đồng bào bị lũ lụt miền Trung